

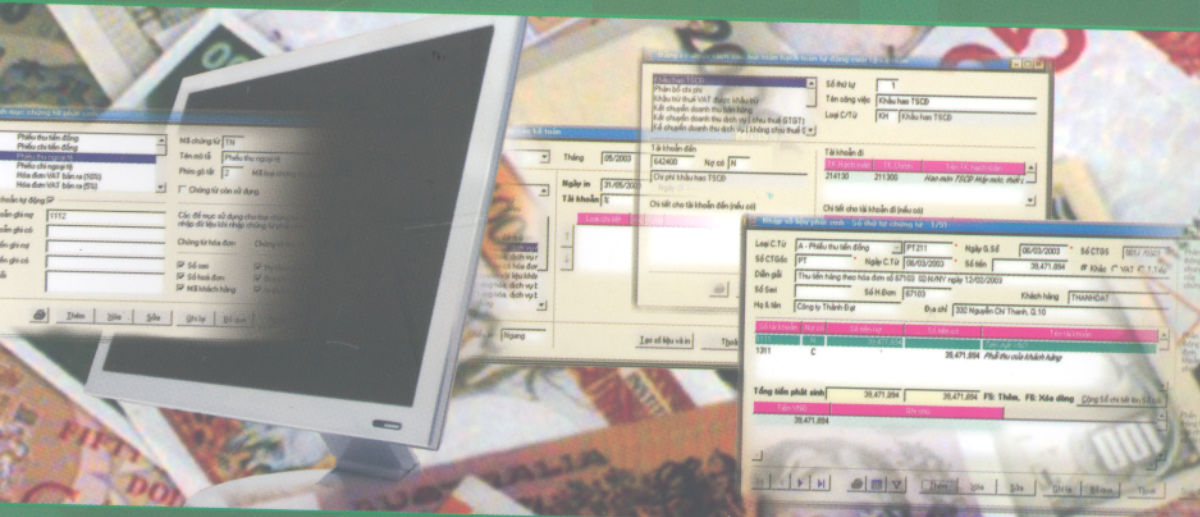


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH

Kế toán máy

DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
NGUYỄN VĂN TÂN

GIÁO TRÌNH
KẾ TOÁN MÁY

(Dùng trong các trường THCN)

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2005

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI
4 TỐNG DUY TÂN, QUẬN HOÀN KIẾM, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: (04) 8257063; 8252916 - FAX: (04) 8257063

GIÁO TRÌNH
KẾ TOÁN MÁY

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI - 2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN KHẮC OÁNH

Biên tập:
PHẠM QUỐC TUẤN

Bìa:
TRẦN QUANG

Trình bày, kỹ thuật vi tính:
CTY QUẢNG CÁO HÀ NỘI

Sửa bản in:
PHẠM QUỐC TUẤN

Mã số: $\frac{373 - 7.373}{\text{HN} - 05}$ 202/290/05

n 1.490 cuốn, khổ 17x24cm, tại Nhà in Hà Nội. Giấy phép xuất bản số:
02GT/290 CXB ngày 29/3/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2005.

Lời giới thiệu

Nước ta đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp văn minh, hiện đại.

Trong sự nghiệp cách mạng to lớn đó, công tác đào tạo nhân lực luôn giữ vai trò quan trọng. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát triển nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”.

Quán triệt chủ trương, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước và nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của chương trình, giáo trình đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo, theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, ngày 23/9/2003, Ủyban nhân dân thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 5620/QĐ-UB cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đề án biên soạn chương trình, giáo trình trong các trường Trung học chuyên nghiệp (THCN) Hà Nội. Quyết định này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Thành ủy, UBND thành phố trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực Thủ đô.

Trên cơ sở chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và những kinh nghiệm rút ra từ thực tế đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường THCN tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình một cách khoa học, hệ

thống và cập nhật những kiến thức thực tiễn phù hợp với đối tượng học sinh THCN Hà Nội.

Bộ giáo trình này là tài liệu giảng dạy và học tập trong các trường THCN ở Hà Nội, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho các trường có đào tạo các ngành kỹ thuật - nghiệp vụ và đông đảo bạn đọc quan tâm đến vấn đề hướng nghiệp, dạy nghề.

Việc tổ chức biên soạn bộ chương trình, giáo trình này là một trong nhiều hoạt động thiết thực của ngành giáo dục và đào tạo Thủ đô để kỷ niệm "50 năm giải phóng Thủ đô", "50 năm thành lập ngành" và hướng tới kỷ niệm "1000 năm Thăng Long - Hà Nội".

Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội chân thành cảm ơn Thành ủy, UBND, các sở, ban, ngành của Thành phố, Vụ Giáo dục chuyên nghiệp Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành, các giảng viên, các nhà quản lý, các nhà doanh nghiệp đã tạo điều kiện giúp đỡ, đóng góp ý kiến, tham gia Hội đồng phản biện, Hội đồng thẩm định và Hội đồng nghiệm thu các chương trình, giáo trình.

Đây là lần đầu tiên Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Dù đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, bất cập. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để từng bước hoàn thiện bộ giáo trình trong các lần tái bản sau.

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lời nói đầu

Như chúng ta đã biết máy tính chỉ là công cụ trợ giúp cho các hoạt động của con người, tất cả các hành vi máy tính làm đều rất "máy móc", muốn máy tính tư duy được ta cần trang bị cho máy tính các tri thức, nếu bàn sâu hơn về việc máy tính tư duy được có lẽ vượt ra ngoài phạm vi giáo trình bởi lẽ vấn đề này liên quan tới lý thuyết "trí tuệ nhân tạo", "hệ chuyên gia" ở đây ta chỉ xét dưới góc độ ứng dụng tin học vào việc giải quyết bài toán kế toán. Giáo trình kế toán máy được chia thành 2 chương:

Chương 1 chúng ta sẽ sử dụng MS EXCEL để học cách lập chương trình giải quyết bài toán kế toán.

Không ai trong chúng ta sử dụng máy tính mà không lại không biết đến phần mềm nổi tiếng Ms Excel của hãng Microsoft. Ms Excel là phần mềm xử lý bảng tính, việc tính toán, sắp xếp số liệu trong này có thể nói là tuyệt vời. Tuy nhiên hạn chế của Excel là không có sẵn các công cụ thống kê để giải quyết các yêu cầu mà bài toán kế toán đặt ra, công việc này người sử dụng phải tự xây dựng thông qua công cụ xây dựng các Macro. Việc làm này trở nên dễ dàng nếu chúng ta nắm được cách thức lập trình trong Ms Excel, đó là việc chúng ta sẽ phải tìm hiểu ngôn ngữ VBA (Visual Basic For Application) được tích hợp sẵn trong Ms Excel. Từ ngôn ngữ VBA trong Ms Excel, ta sẽ lập một chương trình kế toán tài khoản đơn giản, cho phép từ danh mục tài khoản kế toán và từ các chứng từ phát sinh trong tháng ta có thể in ra các sổ cái, sổ quỹ, bảng cân đối tài khoản, bảng cân đối kế toán. Tiếp theo đó học sinh tiếp tục phát triển tương tự để lập chương trình cho các phần việc kế toán khác như kế toán công nợ, kế toán kho, kế toán chi phí và giá thành...

Chương 2 ta sẽ học cách sử dụng một phần mềm kế toán cụ thể là chương trình kế toán máy AccWin.

Hiện tại có rất nhiều chương trình kế toán máy tồn tại trên thị trường như MISA, FAST ACCOUNTING, EFFECT, ACCNET..., các phần việc của các chương trình kế toán này đều có một nền chung là Kế toán tài khoản, Kế toán công nợ, Kế toán kho, Kế toán chi phí giá thành và cuối cùng là các báo cáo tài chính (Bảng cân đối tài khoản, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính).

Vì lý do như vậy cho nên chương 2 của giáo trình hướng dẫn sử dụng một chương trình kế toán máy có đầy đủ các chức năng như trên là chương trình Kế toán máy ACCWIN do chính tác giả viết, chương trình kế toán máy AccWin được viết với bố cục rõ ràng, rất dễ sử dụng, dùng làm công cụ giảng dạy kế toán máy cho học sinh, sinh viên giúp làm rõ hơn lý thuyết và bài tập về kế toán mà học sinh, sinh viên đã học trong giáo trình Hạch toán Kế toán.

Phần mềm kế toán máy AccWin có đầy đủ các phần việc kế toán :

- Kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (thu chi, sổ quỹ, sổ tiền gửi)
- Kế toán cho các tài khoản (sổ chi chi tiết, sổ cái tổng hợp, nhật ký sổ cái, sổ nhật ký chung)
- Kế toán công nợ (sổ chi tiết công nợ, bảng tổng hợp công nợ, theo dõi công nợ quá hạn)
- Kế toán kho (nhập xuất vật tư hàng hoá, thẻ chi tiết kho, thẻ tổng hợp kho)
- Kế toán chi phí, giá thành (sổ chi tiết chi phí, bảng tổng hợp chi phí, sổ chi tiết giá thành, bảng tổng hợp giá thành)
- Kế toán thuế giá trị gia tăng (thuế VAT mua vào, thuế VAT bán ra, báo cáo thuế)
- In các báo cáo tài chính (Bảng cân đối tài khoản, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)

Như vậy sau khi học xong giáo trình này, học sinh có thể tự mình lập ra một chương trình kế toán máy và có khả năng sử dụng bất kỳ phần mềm kế toán máy có sẵn nào.

Cuối cùng xin chân thành cảm ơn PGS. TS. Nguyễn Văn Xuất - Chủ nhiệm khoa Công nghệ Thông tin Học viện Kỹ thuật Quân sự, PGS. TS. Đoàn Văn Ban - Trưởng phòng Viện Công nghệ Thông tin, PGS. TS. Phạm Văn Ất - Trường Đại học Giao thông, TS. Đào Thanh Tĩnh - Khoa Công nghệ Thông tin Học viện Kỹ thuật Quân sự, kỹ sư Nguyễn Văn Quân - Kế toán trưởng Công ty XNK ngành In Bộ Văn hoá Thông tin, tập thể Giáo viên và Ban Giám hiệu trường Trung học ESTIH, đặc biệt là thầy Hiệu trưởng Thạc sỹ Hoàng Đức Khiêm đã nhiệt tình giúp đỡ để giáo trình này được hoàn thiện và ra đời.

TÁC GIẢ

Bài mở đầu

NHẬP MÔN KẾ TOÁN MÁY

Mục tiêu: Giúp cho học sinh hiểu kế toán máy là gì, cách thức giải quyết bài toán kế toán trên máy vi tính như thế nào

1 - Kế toán máy là gì ?

Hiểu theo nghĩa thông thường kế toán máy là dùng máy móc (máy tính) để hỗ trợ, thay thế một phần công việc của người làm kế toán tài chính cho một doanh nghiệp hoặc một tổ chức kinh tế trong xã hội. Một chương trình kế toán máy là một phần mềm dùng để làm công việc kế toán. Để có một chương trình kế toán máy thì phải lập trình bằng một ngôn ngữ lập trình nào đó. Các ngôn ngữ lập trình cơ sở dữ liệu như Ms Excel, Ms Access, Visual Basic, Visual Foxpro, SQL Server và Oracle đều có thể lập được chương trình kế toán máy. Thông thường, để lập chương trình kế toán máy cho các tổng công ty nên dùng Oracle và SQL Server, để lập chương trình kế toán máy cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên dùng Ms Access, Visual Basic và Visual Foxpro, còn để học cách lập chương trình kế toán máy nên dùng Ms Excel vì chương trình chạy chậm ta có thể thấy rõ từng bước mà chương trình chạy như thế nào, ngoài ra các câu lệnh Visual Basic for Application của Ms Excel rất giống với Ms Access và Visual Basic là hai ngôn ngữ lập trình Quản trị Cơ sở Dữ liệu được ưa chuộng nhất hiện nay.

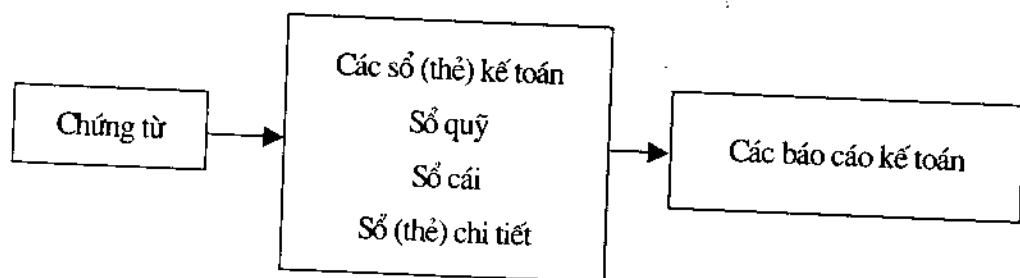
2 - Khảo sát bài toán kế toán

Kế toán là một "nghệ thuật ghi chép" và thống kê các nghiệp vụ kinh tế phát sinh diễn ra theo dòng chảy thời gian của một doanh nghiệp hoặc

một tổ chức kinh tế nào đó. "Nghệ thuật ghi chép" ở đây ta nên hiểu theo nghĩa là ghi chép nhưng tuân thủ theo một nguyên tắc nhất định - nguyên tắc của kế toán.

Mỗi một nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận bằng chứng từ hay nói khác đi chứng từ là bằng chứng pháp lý khẳng định sự tồn tại của một nghiệp vụ kinh tế nào đó đã diễn ra trong quá khứ, chứng từ tồn tại trên thực tế là các phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn nhập, xuất vật tư, hoá đơn bán hàng,...

Trong thực tế khi khảo sát theo dõi hành vi của kế toán, người ta nhận thấy khi có một chứng từ phát sinh thì chứng từ đó được ghi nhận lại vào các sổ (thẻ) kế toán chi tiết làm cơ sở cho việc làm các báo cáo kế toán sau này. Quá trình đó có thể mô tả bằng sơ đồ sau :



Mỗi một chứng từ phản ánh một loại nghiệp vụ kinh tế nào đó đồng thời trên mỗi chứng từ thông tin nó chứa đựng cũng khác nhau. Song đứng dưới góc độ của công tác quản lý tài chính thì người ta chỉ quan tâm tới những thông tin quan trọng sau :

- Số chứng từ
- Ngày chứng từ
- Nội dung (Diễn giải)
- Tài khoản nợ
- Tài khoản có
- Số tiền

Gắn với mỗi nội dung kinh tế người ta cần ít nhất một cặp 2 tài khoản để phản ánh nội dung kinh tế đó, số hiệu của các tài khoản ghi bên nợ và bên có được lấy trong bảng hệ thống tài khoản do nhà nước ban hành.

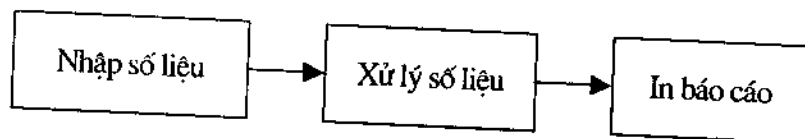
- Các nghiệp vụ kinh tế sau khi ghi nhận bằng chứng từ thì kế toán còn phải ghi chép vào các sổ chuyên dụng riêng. Ví dụ : nếu phát sinh nghiệp vụ thu chi tiền mặt thì kế toán sau khi viết phiếu thu chi song phải phản ánh nghiệp vụ này trên sổ quỹ tiền mặt và sổ liên quan khác. Hoặc nếu khách hàng trả nợ thì sau khi viết phiếu thu kế toán phải ghi chép vào sổ chi tiết thanh toán với người mua, sổ cái tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng, sổ quỹ tiền mặt hoặc tiền gửi... Cuối kỳ kế toán, người làm công tác kế toán phải thống kê cho ra được các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị phục vụ lãnh đạo. Căn cứ vào các thông tin trên báo cáo, lãnh đạo doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định chính xác cho các hoạt động kinh tế tiếp theo nên như thế nào để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

3 - Quy trình giải quyết bài toán kế toán trên máy tính

Mọi bài toán quản lý được giải quyết trên máy tính đều tuân thủ theo nguyên tắc :

- Nhập số liệu
- Xử lý số liệu
- In báo cáo

Quy trình này được minh hoạ bằng sơ đồ sau :



Với bài toán kế toán nguyên tắc trên vẫn được đảm bảo :

- Nhập số liệu : Tức nhập các hoá đơn, chứng từ
- Xử lý số liệu : Xử lý để cho ra các sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính
- In báo cáo :
 - + In sổ sách kế toán
 - + In các báo cáo tài chính

Như đã trình bày ở trên mỗi nghiệp vụ kinh tế hay nói đúng hơn là mỗi chứng từ mang trên nó những thông tin khác nhau phản ánh các hành vi kinh tế khác nhau, tuy nhiên để phục vụ cho việc thống kê kế toán và quản lý tài chính người ta chỉ quan tâm tới một số chỉ tiêu quan trọng trên chứng từ, các chỉ tiêu đó là :

- Số chứng từ
- Ngày chứng từ
- Nội dung (Diễn giải)
- Tài khoản ghi bên nợ
- Tài khoản ghi bên có
- Số tiền ghi trên chứng từ

Các chỉ tiêu trên đây cũng sẽ là các thông tin đầu vào cho chương trình. Chương trình phải cho ra được các sổ kế toán tùy theo việc đơn vị đó áp dụng theo hình thức ghi chép sổ kế toán nào như :

- Sổ nhật ký chung (nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức nhật ký chung)
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (nếu là chứng từ ghi sổ)
- Các bảng kê (nếu là nhật ký chứng từ)
- Sổ nhật ký sổ cái (nếu áp dụng mẫu sổ nhật ký - sổ cái)

Ngoài ra chương trình phải cho ra được các sổ, thẻ kế toán khác như :

- Sổ cái tài khoản
- Sổ quỹ tiền mặt, tiền gửi
- In sơ đồ chữ T
- ...

Đồng thời việc kết xuất ra các báo cáo tài chính cũng phải được chương trình làm một cách tự động và chính xác. Các báo cáo tài chính đó là :

- Bảng cân đối tài khoản (Bảng cân đối phát sinh)
- Bảng cân đối kế toán (Bảng tổng kết tài khoản)

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Việc ra các báo cáo này phải tuân thủ chặt chẽ hệ thống kế toán Việt Nam do nhà nước Việt Nam ban hành.

Để viết được chương trình máy tính giải quyết bài toán kế toán trên máy tính người ta phải dựa vào một công cụ lập trình nào đó thông thường người ta sử dụng ngôn ngữ lập trình trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu chuyên dụng như Ms FoxPro, Ms Access, Visual Basic,...ở đây chúng ta sẽ sử dụng MsExcel và ngôn ngữ VBA để giải quyết.

Như vậy bạn đọc có thể hình dung được quy trình làm việc của kế toán máy rồi đó, lúc này ta chỉ việc nhập vào các chứng từ công việc còn lại máy tính sẽ giải quyết giúp bạn. Nó giảm bớt đáng kể công việc của bạn trong thực tế. Ta lấy ví dụ : Nếu có một nghiệp vụ phát sinh, theo cách làm thủ công truyền thống, thì bạn phải ghi chép trên rất nhiều sổ sách để sau này đối chiếu so sánh và vì vậy không tránh khỏi tình trạng số liệu các sổ không khớp nhau do bạn quên không ghi vào sổ nào đó. Bất cập này được chương trình máy tính giải quyết quá đơn giản và bạn thấy số liệu ở các sổ sách khớp nhau một cách "không ngờ".

Rất nhiều người hiện nay tồn tại trạng thái tâm lý nghĩ rằng : Chương trình sẽ làm giúp ta hết tất cả, quan điểm đó hoàn toàn sai. Nên nhớ chương trình chỉ có tác dụng trợ giúp trong công tác thống kê, phân loại và tính toán, còn công việc chính yếu và là hạt nhân vẫn là con người. Máy tính không thể tự định khoản được, việc làm đó phải là con người (người được đào tạo làm kế toán).

4. Các số liệu cụ thể

Giả sử ta có các chứng từ phát sinh đã được định khoản:

SỔ NHẬT KÝ CHỨNG TỪ

Chứng từ		Diễn giải	TKNỢ	TKCÓ	Số tiền
Số	Ngày				
01	10/01/04	Thu tiền bán hàng	111	511	50
01	10/01/04	Tiền thuế VAT	111	333	5
02	10/02/04	Khách hàng trả nợ	111	131	40
4329	10/04/04	Khách hàng nợ tiền hàng	131	511	60
4329	10/04/04	Khách hàng nợ tiền thuế VAT	131	333	6
01	10/06/04	Trả tiền điện	642	111	2
02	10/07/04	Trả tiền nước	642	111	1
03	10/08/04	Trả tiền điện thoại	642	111	4
15	10/15/04	Khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản	112	131	5
20	10/18/04	Trả nợ người bán bằng chuyển khoản	331	112	10
21	10/31/04	Kết chuyển từ 511 sang 911	511	911	110
22	10/31/04	Kết chuyển từ 642 sang 911	911	642	7
23	10/31/04	Kết chuyển từ 911 sang 421	911	421	103
#					403

Và ta có hệ thống tài khoản và số dư đầu năm :

HỆ THỐNG TÀI KHOẢN VÀ SỐ DƯ ĐẦU NĂM

Mã TK	Tên tài khoản	Loại dư	Số dư
111	Tiền mặt	Nợ	100
112	Tiền gửi ngân hàng	Nợ	500
141	Tạm ứng	Nợ	50
131	Phải thu của khách hàng	Nợ	80
331	Phải thu của người bán	Có	60
333	Thuế VAT	Có	20
411	Nguồn vốn kinh doanh	Có	650
421	Lãi chưa phân phối	Có	0
511	Doanh thu	Có	0
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nợ	0
911	Xác định kết quả	Có	0

#

Từ số liệu là hai bảng trên ta phải đưa ra được các số sau :

4.1. Sổ nhật ký chung

Công ty XXX
Phòng Tài Vụ

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Tháng 10

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
01	10/01/04	Thu tiền bán hàng	111	50	
01	10/01/04	Tiền thuế VAT	511		50
			111	5	
02	10/02/04	Khách hàng trả nợ	333		5
			111	40	
4329	10/04/04	Khách hàng nợ tiền hàng	131		40
			131	60	
4329	10/04/04	Khách hàng nợ tiền thuế VAT	511		60
			131	6	
01	10/06/04	Trả tiền điện	333		6
			642	2	
02	10/07/04	Trả tiền nước	111		2
			642	1	
03	10/08/04	Trả tiền điện thoại	111		1
			642	4	
15	10/15/04	Khách hàng trả nợ bằng chuyển	111		4
			112	5	
20	10/18/04	Trả nợ người bán bằng chuyển	131		5
			331	10	
21	10/31/04	Kết chuyển từ 511 sang 911	112		10
			511	110	
22	10/31/04	Kết chuyển từ 642 sang 911	911		110
			911	7	
23	10/31/04	Kết chuyển từ 911 sang 421	642		7
			911	103	
			421		103
Tổng:				403	403

Ngày 7 tháng 6 năm 2005

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

4.2. Sổ cái cho các tài khoản

Công Ty XXX

Phòng Tài Vụ

SỔ CÁI - TÀI KHOẢN : 111

Tháng : 10

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh		Số dư	
Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu kỳ :				100	
01	10/01/04	Thu tiền bán hàng	511	50			
01	10/01/04	Tiền thuế VAT	333	5		150	
02	10/02/04	Khách hàng trả nợ	131	40		155	
01	10/06/04	Trả tiền điện	642			195	
02	10/07/04	Trả tiền nước	642		2	193	
03	10/08/04	Trả tiền điện thoại	642		1	192	
					4	188	
		Cộng phát sinh :		95	7		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 1 tháng 1 năm 2005

Giám đốc

4.3. Sổ quỹ cho các tài khoản 111 và 112

Công Ty XXX

Phòng Tài Vụ

SỔ QUỸ - TÀI KHOẢN : 111

Tháng:10

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền		
Số	Ngày			Thu	Chi	Tồn
		Dư đầu kỳ :				100
01	10/01/04	Thu tiền bán hàng	511	50		
01	10/01/04	Tiền thuế VAT	333	5		150
02	10/02/04	Khách hàng trả nợ	131	40		155
01	10/06/04	Trả tiền điện	642			195
02	10/07/04	Trả tiền nước	642		2	193
03	10/08/04	Trả tiền điện thoại	642		1	192
					4	188
		Cộng phát sinh :		95	7	188

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 1 tháng 1 năm 2005

Giám đốc

4.4. Bảng cân đối tài khoản

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tháng: 10

Mã K	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	100		95	7	188	
112	Tiền gửi ngân hàng	500		5	10	495	
141	Tạm ứng	50		0	0	50	
131	Phải thu của khách hàng	80		66	45	101	
331	Phải thu của người bán		60	10	0		50
333	Thuế VAT		20	0	11		31
411	Nguồn vốn kinh doanh		650	0	0		650
421	Lãi chưa phân phối	0		0	103		103
511	Doanh thu	0		110	110	0	
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0		7	7	0	
911	Xác định kết quả	0		110	110	0	
Cộng :		730	730	403	403	834	834

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 3 tháng 1 năm 2005

Giám đốc

4.5. Bảng cân đối kế toán

Công ty XXX

Phòng tài vụ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng : 10

Đơn vị tính : VND

MãTK	Tài sản	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
111	Tiền mặt	1	100	188
112	Tiền gửi ngân hàng	2	500	495
141	Tam ứng	3	50	50
131	Phải thu của khách hàng	4	80	101
	Tổng cộng tài sản :		730	834

	Nguồn vốn	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
331	Phải thu của người bán	5	60	50
333	Thuế VAT	6	20	31
411	Nguồn vốn kinh doanh	7	650	650
421	Lãi chưa phân phối	8	0	103
	Tổng cộng nguồn vốn :		730	834

Ngày 3 tháng 1 năm 2005

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

4.6. Sơ đồ chữ T

Công ty XXX
Phòng tài vụ

SƠ ĐỒ CHỮ T - TÀI KHOẢN:111

Tháng : 10

Diễn giải Số dư đầu tháng :	Nợ 100	Có
Thu tiền bán hàng	50	
Tiền thuế VAT	5	
Khách hàng trả nợ	40	
Trả tiền điện		2
Trả tiền nước		1
Trả tiền điện thoại		4
Tổng cộng phát sinh:	95	7
Số dư cuối tháng :	188	

Chương 1

LẬP CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN BẰNG MICROSOFT EXCEL

I. NGÔN NGỮ VBA TRONG MICROSOFT EXCEL

Mục tiêu: Học xong bài này học sinh sẽ nắm được cách quy chiếu đến các Sheet, các dòng, các cột, dữ liệu của các ô, khai báo các biến, hiểu các phép toán logic và biết cách khai báo các thủ tục và hàm trong VBA

1- Giới thiệu chung về *Microsoft Excel*

Người dùng máy tính cá nhân từ lâu đã rất quen thuộc với những sản phẩm của *Microsoft*, đặc biệt là bộ công cụ *Microsoft Office*. Một trong những công cụ làm nên tiếng tăm của *Microsoft Office* phải kể đến *Microsoft Excel*.

Microsoft Excel là phần mềm chuyên xử lý bảng tính. Việc tính toán số liệu trong Excel có thể nói là tuyệt vời. Các thao tác hỗ trợ cho việc thiết kế bảng tính cực kỳ mềm dẻo. Các chức năng hỗ trợ việc nhập khẩu số liệu từ các hệ quản trị cơ sở dữ liệu khác cùng với khả năng tìm kiếm, chất lọc dữ liệu, sắp xếp... với tốc độ nhanh, sản phẩm của Excel khi in ra đạt độ thẩm mỹ rất cao đã làm cho Excel trở thành công cụ lựa chọn ưu tiên số 1 cho việc xử lý số liệu dạng bảng biểu. Trong phần giới thiệu chung này tác giả muốn nhắc lại một số khái niệm cơ bản của Excel mà những khái niệm này sẽ được sử dụng đến khi chúng ta khảo cứu ngôn ngữ VBA - ngôn ngữ lập trình trong Excel.

Một số khái niệm cơ bản

Khái niệm về Worksheet (hay Sheet) , Cell, Workbook

Worksheet (hay Sheet) là một bảng gồm nhiều hàng và nhiều cột mà trên đó có thể lưu trữ được các con số, chữ, công thức tính toán,... Khi chúng ta khởi động Excel hình ảnh vùng lưới được gọi là Worksheet hay là Sheet.

Một Sheet trong Excel gồm nhiều hàng, nhiều cột. Các hàng được địa chỉ hoá bằng các con số tự nhiên bắt đầu từ 1,2,3,... Các cột được địa chỉ hoá là các chữ cái A,B,C.. Số lượng các hàng, các cột Excel để trên một Sheet ngầm định là 65.536 hàng và 256 cột. Số lượng hàng và cột này chúng ta có thể thay đổi được. Giao điểm của cột và hàng được gọi là Ô (Cell). Các ô là nơi chúng ta được phép gõ dữ liệu trên đó, dữ liệu mà ô lưu trữ có thể là con số, chữ, giá trị ngày tháng, công thức tính toán, ...

Tập hợp nhiều Worksheet được gọi là Workbook, khi lưu trữ trên đĩa nó là File số liệu có phần mở rộng (phần đuôi File) là XLS. Số lượng các Worksheet có trong một Workbook do người dùng tùy chọn. Tuy nhiên Excel chỉ giới hạn tối đa là 255 Sheet trong một Workbook. Tóm lại một Workbook chỉ có thể chứa từ 1 - 255 Sheet.

Khái niệm Worksheet, Cell, Workbook được mô tả bằng hình ảnh trực quan dưới đây :

	A	B	C	D	E	F	G
1	DANH MỤC VẬT TƯ NHẬP TRONG KỲ						
2							
3	Mã VT	Tên vật tư	ĐV Tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	
4	VT001	Sắt Phi 6	Kg	2,000	300	600,000	
5	VT002	Thép hình	Kg	3,000	20	60,000	
6	VT003	Gạch lát	Viên	20,000	100,000	2,000,000,000	
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13							
14							
15							

Worksheet đang làm việc (Active Sheet)

Workbook gồm 3 Worksheet (Sheet1, Sheet2, Sheet3)

Từ khái niệm thực tiễn trên đây chúng ta thấy rằng đơn vị lưu trữ thông tin nhỏ nhất trong Excel là Ô (Cell), tập hợp của nhiều Ô thông tin hình thành nên bảng tính (Worksheet) và nhiều bảng tính hình thành nên Workbook. Các bảng tính trong Workbook lưu trữ trên đĩa tồn tại dưới dạng File dữ liệu (*.XLS).

2. Ngôn ngữ VBA trong *Microsoft Excel*

Khi sử dụng Excel rất ít khi chúng ta phải sử dụng tới công cụ lập trình, bởi lẽ đa số các bài toán trong thực tế được Excel giải quyết bằng các công cụ sẵn có. Tuy nhiên, cũng có không ít các bài toán khi xử lý chúng mà sử dụng các công cụ sẵn có của Excel thì vấn đề trở nên rất phức tạp và khó giải quyết (ví dụ bài toán kế toán là một trong những bài toán mà giải quyết bằng công cụ sẵn có của Excel là rất khó). Chính vì vậy Excel đã cung cấp cho người sử dụng một công cụ, đó là *ngôn ngữ VBA* - Công cụ lập trình trong Excel nhằm hỗ trợ cho người sử dụng giải quyết các bài toán mà bản thân Excel không có công cụ sẵn có.

Ngôn ngữ lập trình VBA (Visual basic for Application) được Microsoft lựa chọn là công cụ tích hợp trong các sản phẩm của mình, ví dụ người sử dụng có thể sử dụng VBA trong Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft Access, ... Như vậy khi chúng ta nghiên cứu VBA thì nó không những là công cụ nâng cao trong Excel, mà còn là công cụ nâng cao trong các công cụ khác của bộ phần mềm Microsoft Office.

Trong khuôn khổ giáo trình này chúng ta sử dụng Microsoft Excel để nói về ngôn ngữ VBA. Cũng giống như mọi ngôn ngữ lập trình khác, ngôn ngữ VBA cũng có một số quy định về cách khai báo biến, cấu trúc các lệnh, cách khai báo thủ tục, hàm. Bản thân VBA trong Excel phương pháp lập trình cũng giống hệt như các phương pháp của các chương trình phát triển ứng dụng cho Windows nghĩa là lập trình cho các đối tượng điều khiển, xử lý các biến cố (hay sự kiện) cho các đối tượng điều khiển đó. Tuy nhiên các biến cố (events) đó khi lập trình, ta vẫn phải tôn trọng các quy định về lập trình truyền thống nghĩa là mọi vấn đề được giải quyết vẫn phải từ cấu trúc của 3 lệnh rất cơ bản đó là : **Lệnh gán, Lệnh rẽ nhánh, Lệnh lặp**. Để lập trình được trong Excel công việc đầu tiên chúng ta xem cách thức sử dụng 3 lệnh cơ bản này.

✿ Việc viết chương trình và thực hiện chương trình trong Excel như thế nào ta sẽ trình bày ở những mục tiếp theo. Trước hết chúng ta xem xét các quy tắc cơ bản nhất khi phải khai báo biến, quy tắc sử dụng các lệnh cũng như cách dùng các toán tử trong các biểu thức,... trên cơ sở đó chúng ta sẽ học cách xây dựng một chương trình trong Excel.

3. Cách khai báo biến

* Khái niệm về biến nhớ :

Biến nhớ là vùng nhớ (lưu) dữ liệu của máy tính chỉ để phục vụ mục đích nào đó của chương trình mà người lập trình mong muốn. Ta có thể hiểu đơn giản là biến nhớ là vùng nhớ chứa dữ liệu biến động. Biến nhớ được sử dụng trong các ngôn ngữ lập trình. Biến nhớ tồn tại ngay sau khi xuất hiện câu lệnh khai báo biến và mất đi khi kết thúc chương trình.

* Cách khai báo :

Khai báo biến được diễn tả tổng quát như sau :

Dim <Tên biến> As <Kiểu biến>

Ví dụ : Dim a As Integer

Trong chương trình nếu máy tính gặp câu lệnh trên, nó sẽ cấp phát một vùng nhớ và đặt tên là a và vùng nhớ này chỉ lưu trữ giá trị là số nguyên. Từ việc khai báo này ta có thể hiểu là biến nhớ a chỉ có thể chứa đựng các giá trị là số nguyên mà thôi.

Trong quá trình khai báo biến nhớ cần tôn trọng các quy định sau :

- *Về tên biến* : Tên biến dài không quá 64 ký tự, không chứa dấu cách và các ký hiệu toán học (+, -, *, /, ^)
- *Về kiểu biến* : Có rất nhiều kiểu dữ liệu mà biến nhớ sẽ lưu trữ, tuy nhiên người ta thường khai báo một trong các kiểu sau đây :

Kiểu Byte : Là kiểu số nguyên, miền giá trị là (0 đến 255)

Kiểu Boolean : Là kiểu Logic, Biến nhớ được khai báo có kiểu Boolean chỉ nhận một trong hai giá trị True (đúng) hoặc False (Sai)

Kiểu Integer : Là kiểu số nguyên, miền giá trị (-32.768 đến 32.767)

Kiểu Long : Là kiểu số nguyên, miền giá trị (-2.147.483,648 đến 2.147.483,647)

Kiểu Currency : Là kiểu tiền tệ

Kiểu Single : Là kiểu số thực độ dài 4 byte

Kiểu Double : Là kiểu số thực độ dài 8 byte

Kiểu Decimal : Kiểu số thực độ dài 14 byte

Kiểu Date : Kiểu ngày tháng độ dài 8 byte

Kiểu String : Kiểu chuỗi ký tự, miền giá trị (khả năng lưu trữ từ 1 - 65,400 ký tự)

4. Lệnh gán (=)

Lệnh gán được sử dụng rất nhiều trong khi lập trình, ngôn ngữ VBA sử dụng dấu (=) làm lệnh gán.

Ví dụ : Nếu ta có khai báo

Dim A As Integer

'Khai báo biến A có kiểu số nguyên

Thế thì khi ta viết

A = 5

Máy tính sẽ hiểu đây là một lệnh gán, nó gán giá trị 5 cho biến A

hoặc **A = 5 + 3**

Máy tính sẽ gán kết quả của phép cộng 5 + 3 cho biến A

Biểu thức "A = 5" hoặc "A = 5 + 3" được gọi là biểu thức gán

Trong biểu thức gán vế phải luôn được gán giá trị cho vế trái, vì vậy sử dụng lệnh gán bạn lưu ý số liệu nguồn bạn để bên phải biểu thức gán, vế bên trái có thể là biến nhớ hoặc là địa chỉ của ô trong Excel.

5. Các toán tử sử dụng trong các biểu thức

5.1. Toán tử số học trong biểu thức toán học

+ : Phép cộng

- : Phép trừ

***** : Phép nhân

/ : Phép chia

^ : Phép lũy thừa

Mod : Toán tử xác định phần dư của phép chia

5.2. Toán tử quan hệ trong biểu thức quan hệ

> : Lớn hơn

< : Nhỏ hơn

>= : Lớn hơn hoặc bằng

<= : Nhỏ hơn hoặc bằng

= : Bằng

<> : Khác

5.3. Toán tử Logic

And : Và

Or : Hoặc

Not : Phủ định

5.4. Toán tử ghép chuỗi ký tự &

VBA sử dụng toán tử (&) làm toán tử ghép hai chuỗi ký tự.

Ví dụ : Nếu ta viết "abc" & "xyz" ta sẽ được chuỗi mới là chuỗi "abcxyz"

6. Phương thức quy chiếu tới dữ liệu trong Excel bằng VBA

- Trong VBA để quy chiếu tới một Sheet nào đó người ta có 2 cách viết :

Cách thứ nhất viết :

SheetK, WorkSheetK, Sheets(K), WorkSheets(K) -> sẽ quy chiếu tới Sheet thứ K

Ví dụ : Khi viết Sheet1, Sheets(1) -> quy chiếu tới Sheet thứ 1

khi viết WorkSheet2, WorkSheets(2) -> quy chiếu tới Sheet thứ 2

Cách thứ hai viết :

Sheets("SheetName"), WorkSheets("SheetName") -> sẽ quy chiếu tới Sheet có tên là SheetName

Ví dụ : khi viết Worksheets("Sheet2"), khi viết Sheets("Sheet2") -> Máy tính quy chiếu tới Sheet có tên là "Sheet2"

- Để quy chiếu tới một Ô nào đó người ta có 2 cách viết :

Cách thứ nhất viết : SheetK.Cells(hàng, Cột) -> Máy tính sẽ quy chiếu tới Ô có địa chỉ (hàng, cột) trong SheetK.

Ví dụ : khi viết Sheet1.Cells(5,3) -> Máy tính quy chiếu tới Ô địa chỉ (hàng 5, cột 3) trong Sheet1 thực chất là Ô C5 trong Sheet1.

Cách thứ hai viết : Worksheets(K).Cells(hàng, Cột) -> Máy tính sẽ quy chiếu tới Ô có địa chỉ (hàng, cột) trong Sheet thứ K.

Ví dụ : khi viết Worksheets(1).Cells(5,3) -> Máy tính quy chiếu tới Ô có địa chỉ (hàng 5, cột 3) trong Sheet thứ nhất thực chất là Ô C5 của Sheet thứ nhất.

✍ Lưu ý :

Hai cách viết trên đây là hoàn toàn khác nhau về bản chất

Khi viết SheetK -> Máy tính quy chiếu đến Sheet thứ K

Còn khi viết Sheets("SheetName") -> Máy tính sẽ quy chiếu tới Sheet có tên là "SheetName"

- Để chèn thêm một hàng trong Sheet nào đó người ta viết như sau :

SheetK.Rows(I).Insert -> Chèn thêm một hàng ở vị trí hàng thứ I trong SheetK

Hoặc cũng có thể viết : Worksheets(K).Rows(I).Insert

Ví dụ : Sheet1.Rows(3).Insert -> Chèn thêm một hàng ở vị trí hàng thứ 3 trong Sheet1

- Để xóa đi một hàng trong Sheet nào đó người ta viết như sau :

SheetK.Rows(I).Delete -> Xóa một hàng ở vị trí hàng thứ I trong SheetK

Hoặc cũng có thể viết : Worksheets(K).Rows(I).Delete

Ví dụ : Sheet1.Rows(3).Delete -> Xóa một hàng ở vị trí hàng thứ 3 trong Sheet1

- Để chèn thêm một cột trong Sheet nào đó người ta viết như sau :

SheetK.Columns(I).Insert -> Chèn thêm một cột ở vị trí cột thứ I trong SheetK

Hoặc cũng có thể viết : Worksheets(K).Columns(I).Insert

Ví dụ : `Sheet1.Columns(3).Insert` -> Chèn thêm một cột ở vị trí cột thứ 3 (cột C) trong Sheet1

- Để xoá đi một cột trong Sheet nào đó người ta viết như sau :

`SheetK.Columns(I).Delete` -> Xoá một cột ở vị trí cột thứ I trong SheetK

Hoặc cũng có thể viết : `Worksheets(K).Columns(I).Delete`

Ví dụ : `Sheet1.Columns(3).Delete` -> Xoá một cột ở vị trí cột thứ 3 trong Sheet1

7. Thủ tục và hàm trong VBA

Ngôn ngữ VBA cũng cho phép ta xây dựng thủ tục và hàm. Việc xây dựng thủ tục hay hàm là giải quyết vấn đề tránh phải viết đi viết lại một số lệnh nào đó. Ví dụ giả sử nhu cầu trên bảng tính của bạn phải tính $n!$ (n giai thừa) khi đó cách tốt nhất là bạn hãy xây dựng một hàm để không mất công mỗi lần đi tính giai thừa lại phải gõ lại đoạn chương trình đó. Cách khai báo một hàm hoặc một thủ tục như sau :

7.1. Cách khai báo hàm

Function <Tên_hàm>([Danh sách tham biến]) As <Kiểu giá trị của hàm>

[Khai báo các biến cục bộ trong hàm]

[Các lệnh của hàm]

End Function

Khai báo hàm có một số qui tắc sau :

Về tên hàm : Tên hàm không được phép dài quá 64 ký tự, không có dấu cách, không có ký tự toán học (+, -, *, /, ^) trong tên hàm.

Về danh sách các tham biến : Danh sách các tên biến được cách nhau bởi dấu (,) các biến trong danh sách tham biến không có từ khoá Dim ở đầu.

Về việc khai báo các biến cục bộ trong hàm : Khai báo các biến cục bộ trong hàm tôn trọng các quy định về khai báo biến thông thường. Lưu ý rằng các biến này chỉ tồn tại trong hàm mà thôi, nó sẽ không tồn tại bên ngoài hàm. Nghĩa là nếu một biến được khai báo ở bên trong một hàm nào đó thì biến đó không dùng được ở các hàm hoặc thủ tục khác.

Ví dụ về cách khai báo hàm : Giả sử chúng ta đi xây dựng hàm tính $n!$

```
Function GT(n As Byte) As Long
```

```
    Dim i As Byte
```

```
    GT = 1
```

```
    For i = 1 to n
```

```
        GT = GT*i
```

```
    Next i
```

```
End Function
```

7.2. Cách khai báo thủ tục

```
Sub <Tên thủ tục>([Danh sách tham biến])
```

```
    [Khai báo các biến cục bộ trong thủ tục]
```

```
    [Các lệnh trong thủ tục]
```

```
End Sub
```

Mọi quy định về tên thủ tục, danh sách tham biến, ...cũng giống như quy định của hàm

Khi xây dựng hàm bao giờ người ta cũng gán giá trị cho hàm trong các lệnh của hàm, còn với thủ tục điều này không có, thủ tục chỉ gồm tập hợp các lệnh thực thi nhiệm vụ nào đó chứ không chứa giá trị đây cũng là điểm khác biệt cơ bản giữa thủ tục và hàm.

Ví dụ về cách khai báo thủ tục : Giả sử chúng ta đi xây dựng thủ tục có chức năng mở hộp hội thoại mở File của Excel

```
Sub OpenXls()
```

```
    dlgAnswer = Application.Dialogs(xlDialogOpen).Show
```

```
End Sub
```

7.3. Cách sử dụng thủ tục và hàm

Nếu một hàm hoặc một thủ tục đã được khai báo, việc sử dụng chúng được tiến hành rất đơn giản **ví dụ** với hàm GT và thủ tục OpenXls sẽ được sử dụng như sau :

Với hàm GT :

Dim Giaithua As Long

Giaithua = GT(5)

Khi máy tính gặp lệnh gán Giaithua = GT(5) nó tự đi tìm hàm GT đã được khai báo rồi truyền giá trị 5 cho tham biến n và đi thực hiện các lệnh trong hàm GT. Qua khảo sát cách xây dựng hàm GT ta thấy đoạn chương trình trong hàm GT đi tính $5! = 120$. Giá trị này được gán cho biến Giaithua

Với thủ tục OpenXls :

Trong chương trình bạn chỉ cần gõ : Call OpenXls máy tính sẽ tự động đi tìm thủ tục đó và chạy các lệnh bên trong thủ tục OpenXls.

• **Hướng dẫn thực hành : lập hàm n!**

- Khởi động MsExcel
- Thực hiện lệnh Tools/Macro/Visual Basic Editor
- Thực hiện lệnh Insert/Modul, sau đó ta gõ vào trong modul :

Function GT(n As Byte) As Long

Dim i As Byte

GT = 1

For i = 1 to n

GT = GT*i

Next i

End Function

Sau đó ta quay về Sheet1: gõ vào ô A1 là 5, gõ vào ô B1 công thức =GT(A1) ta sẽ được kết quả là 120

8. Bài tập :

1. Lập hàm tính tổng 2 số
2. Lập hàm tính tích 2 số
3. Lập hàm tính hiệu 2 số
4. Lập hàm tính x^n

II. CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN

Mục tiêu: Giúp cho học sinh nắm được các cấu trúc điều khiển trong VBA, biết cách áp dụng giải quyết bài toán cụ thể

1. Cấu trúc tuần tự:

Cấu trúc tuần tự có dạng sau :

Câu lệnh 1

Câu lệnh 2

Ví dụ : Đoạn chương trình dưới đây cho phép nhập hai số A và B từ bàn phím , sau đó đưa ra kết quả là hai số A và B đã được tráo (hoán vị) giá trị cho nhau

Dim A, B, TG As Integer

A = InputBox("Cho số A: ")

B = InputBox("Cho số B: ")

TG=A

A=B

B=TG

Msgbox "A = " & STR(A) & "; B = " & STR(B)

2. Cấu trúc phân nhánh

Cú pháp (cách sử dụng)

If <Điều kiện> Then

[Các lệnh được thực hiện nếu điều kiện đúng]

Else

[Các lệnh được thực hiện nếu điều kiện sai]

End If

Ví dụ : Đoạn chương trình dưới đây cho phép nhập một xâu ký tự bất kỳ từ bàn phím và xác định xem xâu đó có phải là xâu "Green" hay không, nếu đúng đưa ra thông báo "Màu xanh", không đúng đưa ra thông báo "Không biết"

Dim Color As String

Color = InputBox("Nhập vào xâu ký tự")

If Color = "Green" Then

Msgbox "Màu xanh !"

Else

Msgbox "Không biết !"

End If

**Chú ý : Cấu trúc lệnh if được phép lồng nhau*

3. Cấu trúc lựa chọn Select Case ...

Nếu lệnh if chỉ rẽ hai nhánh thì lệnh Select Case được phép rẽ nhiều nhánh. Cách dùng tổng quát cho cấu trúc lệnh này như sau :

Select Case <Biểu thức kiểm tra>

Case <Thoả mãn giá trị thứ nhất>

[Các lệnh, nếu biểu thức kiểm tra thoả mãn giá trị thứ nhất]

Case <Thoả mãn giá trị thứ hai>

[Các lệnh, nếu biểu thức kiểm tra thoả mãn giá trị thứ hai]

Case <Thoả mãn giá trị thứ ba>

[Các lệnh, nếu biểu thức kiểm tra thoả mãn giá trị thứ ba]

...

Case Else

[Các lệnh, nếu biểu thức kiểm tra không thoả mãn các giá trị đã liệt kê]

End Select

Ví dụ : Đoạn chương trình dưới đây cho phép nhập một xâu ký tự bất kỳ từ bàn phím và xác định xem xâu đó có phải là các xâu "Red", "Green", "Blue" hay không, nếu đúng đưa ra các thông báo tương ứng "Màu đỏ", "Màu xanh lá cây", "Màu xanh da trời" tương ứng, không đúng đưa ra thông báo "Không xác định được màu !"

Dim Color As String

Color = InputBox("Nhập vào xâu ký tự")

Select Case Color

Case "Red"

Msgbox "Màu đỏ"

Case "Green"

Msgbox "Màu xanh lá cây"

Case "Blue"

Msgbox "Màu xanh da trời"

Case Else

Msgbox "Không xác định được màu !"

End Select

4. Cấu trúc lặp với điều kiện trước

4.1. Cấu trúc While ... Wend

While <Điều kiện>

[Các lệnh nếu điều kiện đúng]

Wend

Ví dụ : Sử dụng vòng lặp While tính tổng 20 số tự nhiên đầu tiên

Dim I, N, S As Integer

N = 20

S = 0

I = 1

While I <= N

S = S + I

I = I + 1

Wend

Msgbox " S = " & S

4.2. Cấu trúc Do While ... Loop

Do While <Điều kiện>

[Các lệnh nếu điều kiện đúng]

[Exit Do]

Loop

Về cơ bản vòng lặp Do While cũng giống như vòng lặp While song Do While linh hoạt hơn While. Lệnh Do While có bổ sung khả năng dừng vòng lặp ở bất kỳ thời điểm nào mà người lập trình muốn vì có lệnh Exit Do. Đây là điểm khác biệt lớn nhất so với While và vì thế người ta hay sử dụng Do While nhiều hơn so với While. Nếu sử dụng Do While mà không dùng Exit Do thì cơ chế làm việc giống y hệt While.

Ví dụ : Sử dụng vòng lặp Do While tính tổng 20 số tự nhiên trong 100 số tự nhiên đầu tiên

Dim I, N, S As Integer

N = 100

S = 0

I = 1

Do While I <= N

If I <= 20 Then

S = S + I

Else

Exit Do

End If

I = I + 1

Loop

Msgbox " S = " & S

4.3. Cấu trúc Do Until ... Loop

Cách dùng :

Do Until <Điều Kiện>

[Các lệnh nếu điều kiện không thoả mãn]

[Exit Do]

Loop

Nếu so sánh Do Until với Do While thì điều kiện để thực hiện vòng lặp Do Until ngược lại so với Do While. Vòng lặp Do Until chỉ dừng khi điều kiện đúng. Nếu sử dụng lại ví dụ trên thì việc tính 20 số tự nhiên trong 100 số tự nhiên đầu tiên có thể được giải quyết nhờ vòng lặp Do Until như sau :

Dim I, N, S As Integer

N = 100

S = 0

I = 1

Do Until I > N

If I <= 20 Then

S = S + I

Else

Exit Do

End If

I = I + 1

Loop

Msgbox " S = " & S

5. Cấu trúc lặp với điều kiện sau

5.1. Cấu trúc Do ... Loop While

Do

[Các lệnh]

[Exit Do]

Loop While <Điều kiện>

Về cơ bản vòng lặp Do ... Loop While cũng giống như vòng lặp Do While ... Loop, nhưng vòng lặp Do While ... Loop có thể không thực hiện lần nào, còn vòng lặp Do ... Loop While thì luôn luôn thực hiện một lần.

Ví dụ : Sử dụng vòng lặp Do ... Loop While tính tổng 20 số tự nhiên trong 100 số tự nhiên đầu tiên

```
Dim I, N, S As Integer
```

```
N = 100
```

```
S = 0
```

```
I = 1
```

```
Do
```

```
    If I <= 20 Then
```

```
        S = S + I
```

```
    Else
```

```
        Exit Do
```

```
    End If
```

```
    I = I + 1
```

```
Loop While I <= N
```

```
Msgbox " S = " & S
```

5.2. Cấu trúc Do ... Loop Until

Cách dùng :

```
Do
```

```
    [Các lệnh]
```

```
Exit Do
```

```
Loop Until <Điều Kiện>
```

Nếu so sánh Do ... Loop Until với Do ... Loop While thì điều kiện để thực hiện vòng lặp Do ... Loop Until ngược lại so với Do ... Loop While. Vòng lặp Do ... Loop Until chỉ dừng khi điều kiện đúng. Nếu sử dụng lại ví dụ trên thì việc tính 20 số tự nhiên

trong 100 số tự nhiên đầu tiên có thể được giải quyết nhờ vòng lặp Do ... Loop Until như sau :

```
Dim I, N, S As Integer  
N = 100  
S = 0  
I = 1  
Do  
    If I <= 20 Then  
        S = S + I  
    Else  
        Exit Do  
    End If  
    I = I + 1  
Loop Until I > N  
Msgbox " S = " & S
```

6. Cấu trúc lặp xác định For

Cách dùng :

```
For <Biến> = <Giá trị đầu> To <Giá trị cuối> [Step <bước>]  
    [Các Lệnh]  
[Exit For]  
Next [<Biến>]
```

Ví dụ : Sử dụng vòng lặp For tính tổng 20 số tự nhiên đầu tiên

```
Dim I, N, S As Integer  
N = 20  
S = 0  
I = 1  
For I = 1 to N Step 1  
    S = S + I  
Next I  
Msgbox " S = " & S
```


Trong trường hợp <bước> = 1 thì từ khoá Step <bước> (tức Step 1) không cần có mặt trong câu lệnh For, máy tính vẫn hiểu đó là Step 1. Đoạn chương trình trên có thể được viết lại như sau :

Dim I, N, S As Integer

N = 20

S = 0

I = 1

For I = 1 to N

S = S + I

Next I

Msgbox " S = " & S

7. Hướng dẫn thực hành

Chúng ta đã khảo sát xong các quy tắc cơ bản về khai báo biến, cấu trúc các lệnh, cách sử dụng các toán tử. Làm thế nào để viết được các lệnh đó trong Excel và chạy được chúng? Để trả lời câu hỏi này chúng ta xét ví dụ sau :

Giả sử chúng ta phải viết đoạn chương trình trong Excel để giải phương trình bậc 2 :

$$ax^2 + bx + c = 0 \text{ (Với } a \neq 0 \text{)}$$

Theo cách giải bằng tay, các bước tiến hành để giải phương trình này như sau :

Bước 1 : Tính Δ

Bước 2 : Xét các trường hợp ($\Delta < 0$, $\Delta = 0$, $\Delta > 0$)

Nếu $\Delta < 0$ -> Phương trình vô nghiệm

Nếu $\Delta = 0$ -> Phương trình có nghiệm kép

$$x_{1,2} = \frac{-b}{2a}$$

Nếu $\Delta > 0$ -> Phương trình có 2 nghiệm phân biệt

$$x_1 = \frac{-b + \sqrt{\Delta}}{2a}$$

$$x_2 = \frac{-b - \sqrt{\Delta}}{2a}$$

Với việc viết chương trình chúng ta tiến hành theo cách sau :

Thứ nhất : Xác định thông tin đầu vào.

Thứ hai : Xác định yêu cầu đầu ra.

=> Từ đó mới xác định được phải viết chương trình như thế nào.

Với bài toán trên thì :

Thông tin đầu vào là các tham số : a, b, c.

Yêu cầu đầu ra : Tính các nghiệm x_1, x_2 .

Như vậy khi viết chương trình chúng ta cần tổ chức các lệnh sao cho các lệnh đó thể hiện được tiến trình sau (tiến trình này trong tin học gọi là thuật toán) :

bước 1. Nhập các tham số : a, b, c

bước 2. Tính Δ

bước 3. Xét các trường hợp ($\Delta < 0$, $\Delta = 0$, $\Delta > 0$) rồi thể hiện kết quả tương ứng.

Hàm **InputBox()** trong VBA cho phép ta nhập số liệu thông qua bàn phím.

Hàm **Sqr()** là hàm tính căn bậc 2.

Như vậy ta có thể tiến hành xây dựng chương trình như sau :

Dim a, b, c, Delta As Double

a = InputBox("Nhập tham số a = ")

b = InputBox("Nhập tham số b = ")

c = InputBox("Nhập tham số c = ")

Delta = b*b - 4*a*c

If Delta < 0 Then

Msgbox "Phương trình vô nghiệm !"

Else

If Delta = 0 Then

Msgbox "x1 = x2 = " & -b/(2*a)

Else

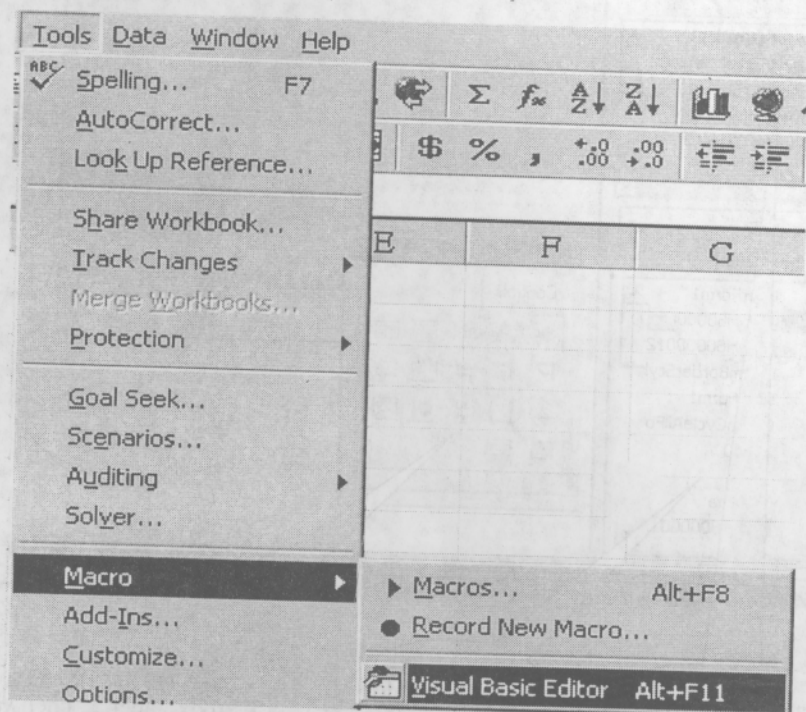
**Msgbox "x1 = " & (-b + Sqr(Delta))/(2*a) & _
"x2 = " & (-b - Sqr(Delta))/(2*a)**

End If

End If

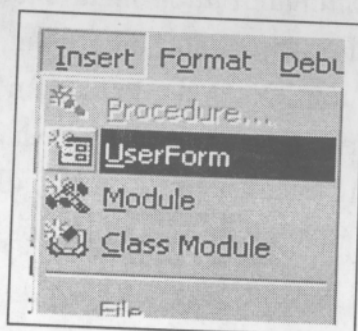
Bây giờ hãy nhập toàn bộ đoạn chương trình trên vào Excel bằng cách lần lượt thực hiện các thao tác sau :

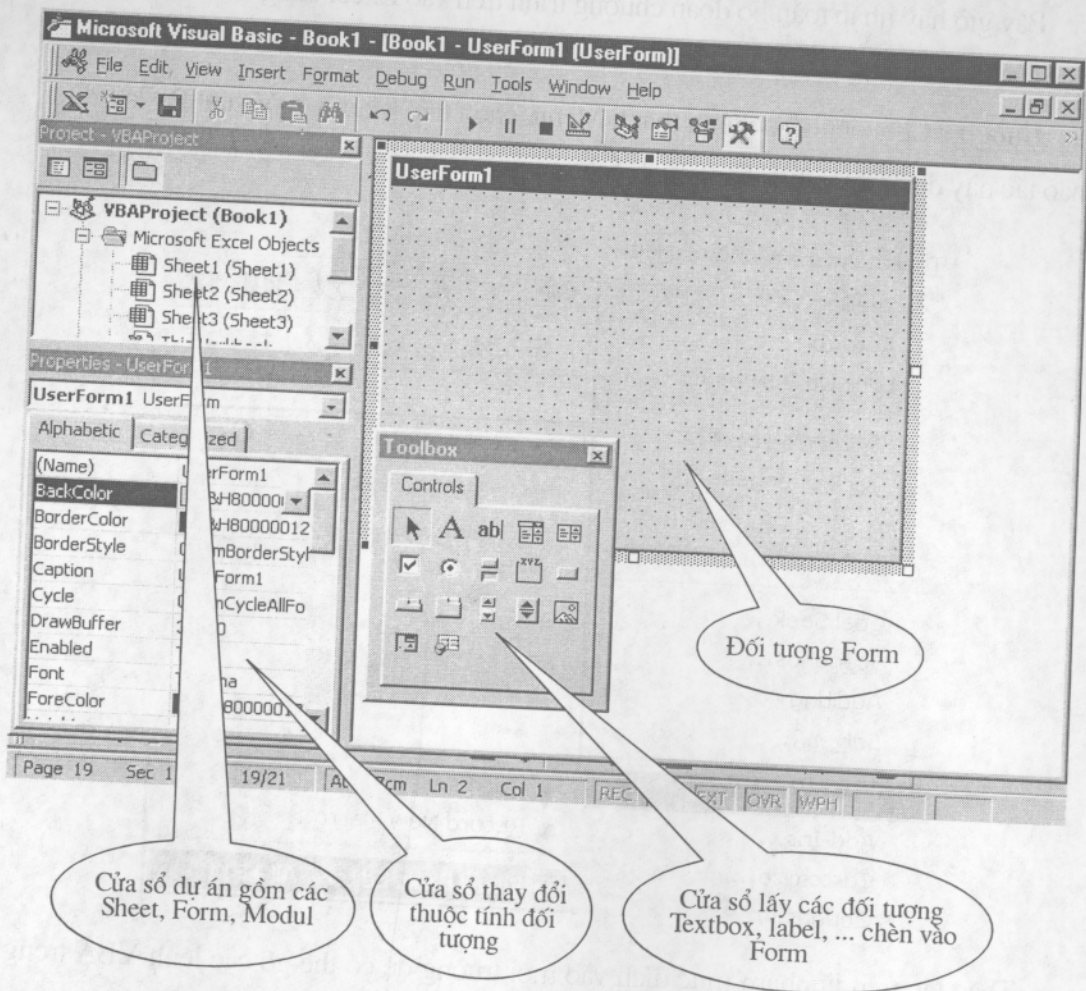
Bước 1 : Chọn lệnh Tool trên thanh Menu, chọn tiếp Macro -> Visual Basic Editor, thao tác này được minh hoạ bằng hình ảnh sau :



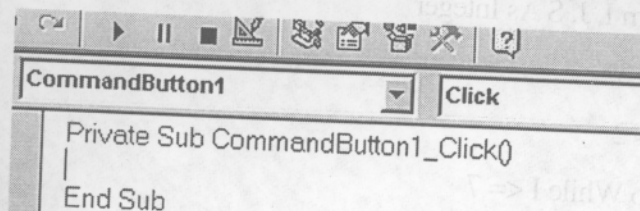
Thao tác trên là nhằm mục đích vào môi trường để có thể gõ các lệnh VBA trong Excel, lúc này bạn chưa gõ được các lệnh, cần thực hiện tiếp các thao tác sau

Bước 2 : Chọn lệnh Insert trên thanh Menu của màn hình mới rồi chọn tiếp UserForm

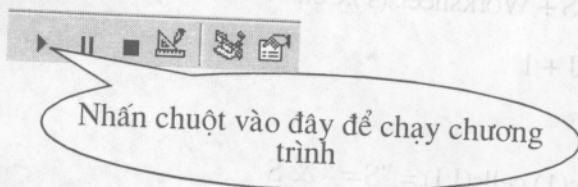




Công việc tiếp theo là bạn hãy di chuyển mũi tên chuột vào trong hộp "Toolbox" ở đó chứa các điều khiển Label, Textbox, CommandButton, ... Hãy chọn đối tượng CommandButton nhấn chuột vào đối tượng này rồi di chuyển vào đối tượng Form rồi thực hiện nhấn đơn chuột tại vị trí bất kỳ trên Form nào mà ta muốn. Động tác đó là chèn đối tượng CommandButton (nút lệnh) vào trong Form. Nếu thành công ta thấy trên bề mặt của đối tượng Form có nút lệnh mang nhãn hiệu "CommandButton1". Bây giờ bạn hãy nháy đúp chuột vào nút lệnh CommandButton1 để ra được màn hình có dạng như sau :



Bây giờ phần việc cuối cùng là bạn gõ toàn bộ phần lệnh giải phương trình bậc hai đã xây dựng ở trên (phần tô mờ) vào giữa Private Sub và End Sub, sau đó thực hiện chạy chương trình bằng cách nhấn F5 hoặc nhấn chuột vào biểu tượng "run" trên thanh toolbar



8. Một số bài tập ôn tập

Bài tập số 1 :

	A	B	C	D	E	F	G
1							
2							
3		1	2	3	4	5	
4		2	2	3	4	5	
5		3	2	3	4	5	
6		4	2	3	4	5	
7		5	2	3	4	5	
8							
9							

Trên Sheet1 của màn hình MsExcel người ta tổ chức bảng số liệu sau :
 Hãy khảo sát xem đoạn chương trình sau đây sẽ làm gì với bảng số liệu đó :

Dim I, J, S As Integer

I = 3

J = 2

Do While I <= 7

S = S + Worksheets(1).Cells(I,J)

I = I + 1

Loop

Do While J <= 6

S = S + Worksheets(1).Cells(I-1,J)

J = J + 1

Loop

Worksheets(1).cells(I,J) = "S = " & S

Bài tập số 2 :

Anh (Chị) hãy khảo sát xem đoạn chương trình sau làm gì:

Dim I, N, T As Integer

N = 100

I = 1

T = 0

Do While I <= N

If (I Mod 3 = 0) Then

T = T + I

End If

I = I + 1

Loop

Msgbox "T = " & T

Bài tập số 3 :

Trên Sheet1 của màn hình của MsExcel người ta tổ chức bảng số liệu sau :

	A	B	C	D	E	F	G
1							
2							
3		1	2	3	4	5	
4		2	2	3	4	5	
5		3	2	3	4	5	
6		4	2	3	4	5	
7		5	2	3	4	5	
8							
9							

Hãy khảo sát xem đoạn chương trình sau đây sẽ làm gì với bảng số liệu đó :

Dim I, J As Integer

I = 3

Do While I <= 7

J = 2

Do While J <= 6

If (Worksheets(1).Cells(I,J) Mod 2 = 0) Then

Worksheets(2).Cells(I,J) = Worksheets(1).Cells(I,J)

End If

J = J + 1

Loop

I = I + 1

Loop

III. CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU KHIỂN

Mục tiêu: Giúp cho học sinh nắm được các đối tượng điều khiển được thể hiện trên form như thế nào, biết cách để đưa các đối tượng vào trong Form một cách hợp lý trong từng bài toán cụ thể

Sức mạnh của các công cụ lập trình cho Windows là các đối tượng điều khiển. Thông qua phần hướng dẫn thực hành ở trên chúng ta đã biết đến một điều khiển Form, một điều khiển CommandButton. Ở phần này chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ hơn về chức năng và công dụng của một số điều khiển hay sử dụng.

1. Đối tượng điều khiển Form

Chức năng : Đối tượng điều khiển Form thực chất là một cửa sổ trong windows hoặc là một hộp hội thoại với chức năng là giao diện giữa chương trình ứng dụng và người sử dụng chương trình. Đối tượng Form làm tăng thêm phần thân thiện giữa người sử dụng với chương trình.

Các thuộc tính : Đối tượng Form có rất nhiều thuộc tính, tuy nhiên chúng ta quan tâm tới một số thuộc tính quan trọng mà ta thường phải can thiệp vào.

* *Thuộc tính Name :* Thuộc tính này cho phép ta đặt tên Form, việc đặt tên này có tác dụng nếu có tác nghiệp nào liên quan tới Form người ta sẽ sử dụng tên Form để quy chiếu. Khi đặt tên Form cần tôn trọng một số nguyên tắc sau: Tên Form dài không quá 64 ký tự, không chứa dấu cách và các ký hiệu đặc biệt, đồng thời ký tự đầu tiên của tên Form không được là ký tự số và đặc biệt tên Form không được trùng với tên của các đối tượng khác đã được đặt tên trước đó.

* *Thuộc tính Caption :* Thuộc tính này cho phép ta thay đổi nội dung trên thanh tiêu đề của Form.

2. Đối tượng điều khiển Textbox

Chức năng : Là đối tượng dùng để nhập số liệu trên Form.

Các thuộc tính : Cũng giống như Form, Textbox có nhiều thuộc tính tuy nhiên ta cũng chỉ xét một vài thuộc tính quan trọng.

* *Thuộc tính Name* : Thuộc tính này cho phép ta đặt tên Textbox mọi quy định trong việc đặt tên Textbox cũng giống như quy định đối với Form

* *Thuộc tính Text* : Thuộc tính này cho lại dòng ký tự mà người dùng nhập vào là cái gì. Giá trị của thuộc tính là 1 xâu ký tự

3. Đối tượng điều khiển Label

Chức năng : Sử dụng đối tượng này để hiển thị xâu ký tự trên Form.

* *Thuộc tính Name* : Thuộc tính này cho phép ta đặt tên Label mọi quy định trong việc đặt tên Label cũng giống như các đối tượng trên.

* *Thuộc tính Caption* : Thuộc tính này cho phép ta gõ các xâu ký tự cần thể hiện lên trên Form.

4. Đối tượng điều khiển ComboBox

Chức năng : Sử dụng đối tượng ComboBox để phục vụ nhập số liệu từ nhiều phương án nhập liệu có sẵn và mỗi lần chỉ được phép chọn một trong những phương án đó.

* *Thuộc tính Name* : Đặt tên cho ComboBox (Quy định giống các đối tượng ở trên).

* *Thuộc tính Text* : Giá trị xâu ký tự của ComboBox mà người sử dụng khi chọn một phần tử trong số các phần tử có sẵn trong ComboBox.

5. Đối tượng điều khiển ListBox

Chức năng : Đối tượng điều khiển này cung cấp cho ta khả năng nhập liệu từ những phương án nhập liệu có sẵn. Quá trình nhập liệu thông qua đối tượng này người sử dụng có thể chọn một hoặc nhiều phương án từ những phương án nhập liệu có sẵn trong ListBox.

* *Thuộc tính Name* : Dùng đặt tên ListBox (Quy định đặt tên ListBox cũng giống với các đối tượng trên).

* *Thuộc tính Text* : Là xâu kí tự của phần tử được chọn trong danh sách có sẵn của ListBox.

6. Đối tượng điều khiển CommandButton

Chức năng : Đối tượng này là nút lệnh trên Form, sử dụng đối tượng này với mục đích để máy tính thực thi các lệnh do người lập trình thiết lập.

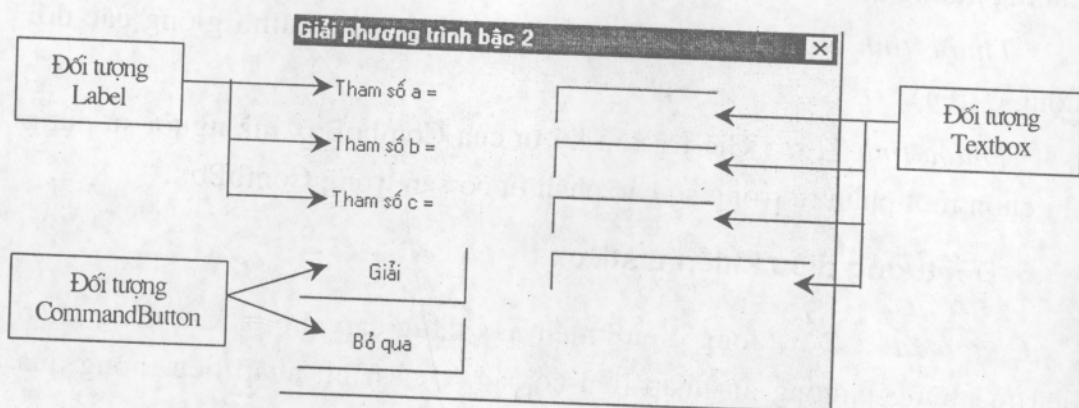
* *Thuộc tính Name* : Dùng đặt tên cho CommandButton (Quy định đặt tên cho CommandButton cũng giống với các đối tượng trên).

* *Thuộc tính Caption* : Dùng để thay đổi nhãn trên bề mặt nút lệnh.

* *Thuộc tính Enable* : Nếu giá trị này được thiết lập là True -> Được phép sử dụng, nếu thiết lập là False -> không được phép sử dụng.

7. Một ví dụ về việc sử dụng các đối tượng điều khiển

Giả sử chúng ta phải xây dựng Form với chức năng giải phương trình bậc 2 như đã nói ở trên. Xét các đối tượng điều khiển ta nhận thấy : đối tượng Textbox sẽ được dùng vào mục đích nhập các tham số a,b,c . Đối tượng CommandButton dùng để chạy thực thi việc giải phương trình bậc 2. Ý tưởng đó khi xây dựng ta sẽ phải được Form giải phương trình bậc 2 như sau :



Thiết kế Form với cấu trúc trên với dụng ý : người sử dụng sẽ gõ các giá trị tham số a,b,c lần lượt vào các Textbox tương ứng. Nếu người sử dụng nhấn chuột vào nút lệnh "Giải" máy tính sẽ đi giải phương trình bậc 2 với

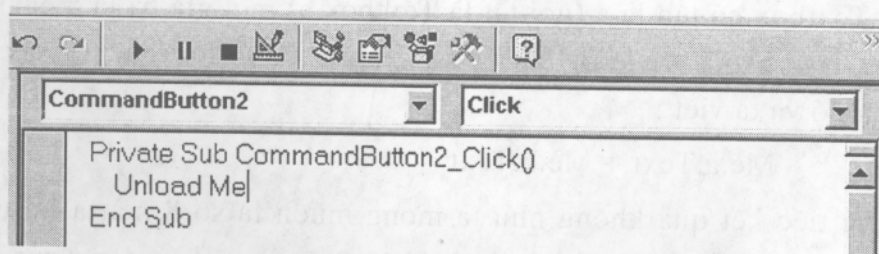
giá trị đầu vào lấy từ các giá trị của Textbox và kết quả sẽ được thể hiện ở Textbox thứ 4. Nếu người sử dụng nhấn chuột vào nút lệnh "Bỏ qua" máy tính sẽ tắt Form "Giải phương trình bậc 2"

Để thực hiện được mục đích trên chúng ta lần lượt tiến hành các thao tác sau :

Bước 1 : Chèn một Form, gõ xâu ký tự "Giải phương trình bậc 2" vào thuộc tính Caption của Form

Bước 2 : Chèn các đối tượng Label, Textbox, CommandButton vào Form. Thay đổi Caption của Label cho thể hiện đúng với nội dung cần trình bày như mẫu Form ở trên, thay đổi nhãn thể hiện trên nút lệnh CommandButton bằng việc can thiệp vào thuộc tính Caption. Hãy đặt tên cho Textbox theo thứ tự từ trên xuống lần lượt là các tên a,b,c,kq tương ứng.

Bước 3 : Để Form tắt (hay đóng) khi người dùng nhấn chuột vào nút lệnh bỏ qua bạn cần nhấn đúp chuột vào nút lệnh đó rồi thực hiện gõ lệnh : Unload Me vào đó. Toàn bộ thao tác ở bước 3 được minh hoạ bằng hình ảnh dưới đây :



Thủ tục Private Sub CommandButton2_Click() là thủ tục đón nhận sự kiện nhấn chuột vào nút lệnh có nhãn "Bỏ qua". CommandButton2 là tên của nút lệnh có nhãn "Bỏ qua", Click là sự kiện nhấn chuột vào đối tượng đó. Bản chất của việc làm này là khi Form này được chạy nếu nhấn chuột vào nút lệnh "Bỏ qua" máy tính sẽ thực thi câu lệnh Unload Me, mà lệnh này lại có chức năng đóng Form này lại.

Phần việc cuối cùng chúng ta phải làm đó là viết đoạn chương trình để giải phương trình bậc 2 sử dụng sự kiện nhấn chuột vào nút lệnh "Chấp

nhận". Muốn thế bạn cũng cần phải nhấn đúp chuột vào nút lệnh có nhãn "Chấp nhận" để rồi viết chương trình vào đó. Trước khi viết chương trình bạn không khỏi băn khoăn về việc làm thế nào trong chương trình có thể lấy được các giá trị mà người sử dụng gõ ở trong các Textbox. Điều băn khoăn này sẽ được giải toả khi bạn nắm được cách lấy các thuộc tính của một đối tượng bất kỳ trên Form. Cách lấy tổng quát như sau :

<Tên Form>.<Tên đối tượng>.<Thuộc tính đối tượng>

như vậy để lấy được giá trị mà người sử dụng gõ vào Textbox có tên là (a) thì ta sẽ phải gõ trong chương trình như sau :

Me.a.Text

Từ khoá Me là từ khoá đại diện cho Form hiện tại, a là tên của Textbox, thuộc tính Text là giá trị mà người sử dụng gõ vào từ bàn phím cho đối tượng Textbox đó.

¶ Có một vấn đề chúng ta hết sức lưu ý khi lập trình có sử dụng đến toán tử (+). Toán tử (+) ngoài chức năng là phép cộng số học, toán tử này còn có chức năng ghép xâu ký tự vì vậy đối với việc cộng các giá trị của Textbox ta hết sức chú ý vì nếu giả sử ở Form trên người sử dụng gõ vào giá trị cho Textbox có tên là a (gọi tắt là Textbox a) một giá trị là 5 chẳng hạn, còn Textbox b giá trị là 3, bây giờ ta muốn cộng hai giá trị này trên 2 Textbox đó và ta viết :

Me.a.Text + Me.b.Text

Đáng tiếc kết quả không như ta mong muốn là số 8 mà ta lại được số 53. Tại sao có điều này? chính là sự không rõ ràng chức năng của toán tử (+). Lúc này máy tính hiểu số 5 và số 3 trên "Textbox a" và "Textbox b" là các giá trị ký tự vì vậy nó áp dụng toán tử (+) cho việc ghép hai ký tự này để được xâu ký tự mới là 53. Vậy làm thế nào để máy tính có thể cộng đúng tức là phép cộng được thực hiện đúng là cộng số học? để thoả mãn mong muốn này bạn phải sử dụng đến hàm Val. Chức năng của hàm Val là chuyển một xâu ký tự sang số. Ví dụ khi viết Val("12") kết quả là số 12. Vì vậy để máy tính cộng đúng biểu thức số học trên bạn cần viết :

Val(Me.a.Text) + Val(Me.b.Text)

Kết quả của biểu thức này đúng là con số 8

Như vậy tới đây ta mới bắt tay vào viết tiếp phần giải phương trình bậc 2 cho nút lệnh "Giải", ở màn hình thiết kế Form ta nhấn đúp chuột vào nút lệnh "Giải" rồi gõ toàn bộ các lệnh sau vào giữa Private Sub ... End Sub:

```
Dim Delta As Double
```

```
Delta = Me.b.Text * Me.b.Text - 4*Me.a.Text*Me.c.Text
```

```
If Delta < 0 Then
```

```
    Me.kq.Text = "Vô Nghiệm"
```

```
Else
```

```
    If Delta = 0 Then
```

```
        Me.kq.Text = "X1 = X2 = " & -Me.b.Text / (2*Me.a.Text)
```

```
    Else
```

```
        Me.kq.Text = "X1 = " & (-Val(Me.b.Text) + Sqr(Delta)) / (2*Me.a.Text) & _
```

```
"X2 = " & (-Val(Me.b.Text) - Sqr(Delta)) / (2*Me.a.Text)
```

```
    End If
```

```
End If
```

Tới đây ta có thể chạy chương trình bằng cách nhấn F5 rồi cho các giá trị vào các Textbox, nhấn chuột vào nút lệnh "Giải" bạn sẽ được kết quả hiện trên Textbox kq.

8. Bài tập

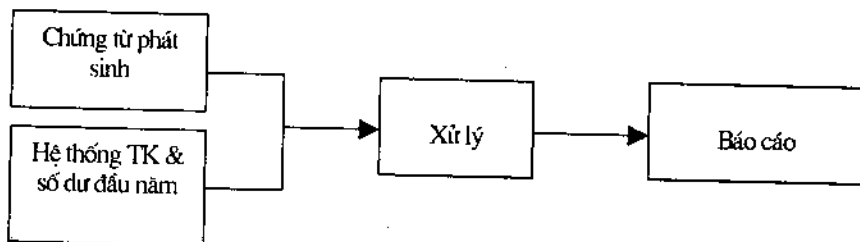
1. Xây dựng Form giải phương trình bậc nhất $ax+b=0$.
2. Xây dựng Form đọc vào điểm trung bình, đưa ra xếp loại học lực.
3. Xây dựng Form đưa vào 3 số thực a, b, c. Kiểm tra xem 3 số đó có lập thành các cạnh của một tam giác hay không.
4. Xây dựng Form đọc vào 3 số thực a, b, c. Đưa ra số nhỏ nhất và số lớn nhất.

IV. SỬ DỤNG VBA TRONG MICROFT EXCEL ĐỂ GIẢI QUYẾT BÀI TOÁN KẾ TOÁN

Mục tiêu: Học xong bài này học sinh học sinh sẽ nắm vững cách chuyển dữ liệu đã có (Danh mục tài khoản và số dư đầu năm, Nhật ký chứng từ) sang các sổ kế toán như thế nào (Sổ cái, Sổ quỹ, Bảng cân đối tài khoản, Bảng cân đối kế toán) và từ đó biết cách mở rộng bài toán kế toán cho các phần việc khác như Kế toán công nợ, kế toán kho, kế toán chi phí và giá thành.

1. Tổ chức dữ liệu cho bài toán kế toán

- Muốn tổ chức tốt dữ liệu cho bài toán kế toán ta phải xác định được yêu cầu của bài toán kế toán. Một cơ sở dữ liệu tốt là một cơ sở dữ liệu mà ở đó thông tin nhập vào cho cơ sở dữ liệu đó là ít nhất mà vẫn thoả mãn được nhu cầu lấy ra các thông tin theo ý muốn. Vì vậy tổ chức tốt thông tin nhập vào cho bài toán kế toán là một yêu cầu cần thiết. Muốn vậy trước hết chúng ta phải biết thông tin đầu vào của bài toán kế toán là gì ? Như đã trình bày ở chương I thông tin đầu vào của chương trình kế toán là các chứng từ và đầu ra của nó là hệ thống sổ sách kế toán (Sổ cái, sổ quỹ, ...) cùng các báo cáo tài chính. Khi khảo sát các yêu cầu đầu ra trên các báo cáo ta nhận thấy có thông tin về số dư đầu kỳ, cuối kỳ của các tài khoản. Các thông tin này có được là nhờ vào các chứng từ phát sinh hàng ngày kết hợp với thông tin về số dư đầu năm của các tài khoản. Như vậy đầu vào của chương trình kế toán ngoài các thông tin của các chứng từ phát sinh còn phải có thông tin về số dư đầu năm của các tài khoản. Sơ đồ tổng quát quy trình xử lý bài toán kế toán ở chương I ta có thể minh hoạ chi tiết hơn như sau:



Một số quy ước cách thức tổ chức thông tin cho bài toán kế toán trên Ms Excel.

Khởi động Ms Excel và tổ chức thông tin như sau (Sử dụng 16 Sheets):

Sheet1 - Dùng để lưu trữ các chứng từ phát sinh hàng ngày.

Sheet2 - Dùng để lưu trữ Hệ thống tài khoản và số dư đầu năm (đầu kỳ).

Sheet3 - Dùng để lưu Mẫu sổ nhật ký chung.

Sheet4 - Dùng để lưu Mẫu sổ cái cho các tài khoản.

Sheet5 - Dùng để lưu Mẫu sổ quỹ tiền mặt tiền gửi.

Sheet6 - Dùng để lưu Bảng cân đối phát sinh.

Sheet7 - Dùng để lưu Mẫu Bảng cân đối kế toán (Tổng kết TS).

Sheet8 - Dùng để lưu Mẫu Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sheet9 - Dùng để lưu Mẫu Bảng lưu chuyển tiền tệ.

Sheet10 - Dùng để lưu Mẫu Thuyết minh báo cáo TC.

Từ Sheet11 -> Sheet16 : Sử dụng để in các báo cáo ra đó.

Với Sheet1 ta đưa vào các chứng từ phát sinh :

	A	B	C	D	E	F
1	Công Ty XXX					
2	Phòng Tài Vụ					
3						
4	SỔ NHẬT KÝ CHỨNG TỪ					
5	Chứng từ		Diễn giải	TKNQ	TKCÓ	Số tiền
6	Số	Ngày				
7	01	10/01/04	Thu tiền bán hàng	111	511	50
8	01	10/01/04	Tiền thuế VAT	111	333	5
9	02	10/02/04	Khách hàng trả nợ	111	131	40
10	4329	10/04/04	Khách hàng nợ tiền hàng	131	511	60
11	01	10/04/04	Khách hàng nợ tiền thuế VAT	131	333	6
12	02	10/06/04	Trả tiền điện	642	111	2
13	03	10/07/04	Trả tiền nước	642	111	1
14	15	10/08/04	Trả tiền điện thoại	642	111	4
15	20	10/15/04	Khách hàng trả nợ bằng chuyển khoản	112	131	5
16	21	10/18/04	Trả nợ người bán bằng chuyển khoản	331	112	10
17	22	10/31/04	Kết chuyển từ 511 sang 911	511	911	110
18	23	10/31/04	Kết chuyển từ 642 sang 911	911	642	7
19	#		Kết chuyển từ 911 sang 421	911	421	103
20						403
21						
22						
23						

Khi trình bày học sinh lưu ý các địa chỉ (hàng, cột) bắt đầu được viết số liệu và dấu kết thúc là dấu “#”

Với Sheet2 ta đưa vào hệ thống tài khoản và số dư đầu năm:

A B C D

1 HỆ THỐNG TÀI KHOẢN VÀ SỐ DƯ ĐẦU NĂM

Mã TK	Tên tài khoản	Loại dư	Số dư
111	Tiền mặt	Nợ	100
112	Tiền gửi ngân hàng	Nợ	500
141	Tạm ứng	Nợ	50
131	Phải thu của khách hàng	Nợ	80
331	Phải thu của người bán	Có	60
333	Thuế VAT	Có	20
411	Nguồn vốn kinh doanh	Có	650
421	Lãi chưa phân phối	Có	0
511	Doanh thu	Có	0
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nợ	0
911	Xác định kết quả	Có	0

#

Ở đây ta quy ước chỉ ghi (NO/CO) cho cột "Dư (Nợ/Có)" bởi vì quy ước đó liên quan tới các đoạn chương trình mà sau này ta đề cập tới.

Với Sheet3 ta trình bày theo mẫu sau :s

A B C D E F

1 Công Ty XXX

2 Phòng Tài Vụ

3

4

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

5

Tháng :

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Cộng:		=SUM(E8:E10)	=SUM(F8:F10)

12

13 Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 8 tháng 6 năm 2005

Giám đốc

Sheet4 được trình bày theo mẫu sau :

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Công Ty XXX							
2	Phòng Tài Vụ							
3	SỔ CÁI - TÀI KHOẢN :							
4	Tháng :							
5	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
6	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
7			Dư đầu kỳ :					
8								
9								
10			Cộng phát sinh :		=SUM(E8:E9)	=SUM(F8:F9)		
11								
12	Người lập biểu				Ngày 2 tháng 1 năm 2005			
13	Kế toán trưởng				Giám đốc			

Sheet5 trình bày theo mẫu sau:

	A	B	C	D	E	F	G
1	Công Ty XXX						
2	Phòng Tài Vụ						
3	SỔ QUỸ - TÀI KHOẢN :						
4	Tháng:						
5	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		
6	Số	Ngày			Thu	Chi	Tồn
7			Dư đầu kỳ :				
8							
9							
10			Cộng phát sinh :		=SUM(E8:E9)	=SUM(F8:F9)	=G7+E10-F10
11							
12	Người lập biểu				Ngày 2 tháng 1 năm 2005		
13	Kế toán trưởng				Giám đốc		

Sheet6 trình bày theo mẫu sau :

A B C D E F G H

1 Công Ty XXX

2 Phòng Tài Vụ

3

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tháng:

MãTK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng :	=SUM(C7:C8)	=SUM(D7:D8)	=SUM(E7:E8)	=SUM(F7:F8)	=SUM(G7:G8)	=SUM(H7:H8)

Ngày 3 tháng 1 năm 2005

11 Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Sheet 7 trình bày theo mẫu sau:

A B C D E

1 Công ty XXX

2 Phòng tài vụ

3

4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng :

Đơn vị tính : VND

MãTK	Tài sản	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
	Tổng cộng tài sản :		=SUM(D9:D10)	=SUM(E9:E10)

	Nguồn vốn	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
	Tổng cộng nguồn vốn :		=SUM(D14:D15)	=SUM(E14:E15)

Ngày 3 tháng 1 năm 2005

19 Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Với Sheet8 trình bày theo mẫu sau:

1	Công ty XXX	A	B	C
2	Phòng tài vụ			
3				
4		Sơ đồ chữ T - Tài khoản :		
5		Tháng :		
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				

2. Thực hành giải quyết bài toán kế toán

2.1. Thực hành làm sổ nhật ký chung

Sau khi tổ chức dữ liệu như đã trình bày ở trên bây giờ chúng ta tiến hành thực hiện lần lượt các bước như sau để làm sổ "Nhật ký chung" :

Ý tưởng: Sao chép mẫu sổ "Nhật ký chung" từ Sheet3 -> Sheet11 đồng thời thống kê số liệu được nhập ở Sheet1 đưa sang Sheet11

Bước 1: ở Sheet3 ta trình bày mẫu sổ nhật ký chung như sau :

1	Công Ty XXX	A	B	C	D	E	F
2	Phòng Tài Vụ						
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
11							
12							
13	Người lập biểu						

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng :

Số	Ngày	Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
				Nợ	Có
		Cộng:		=SUM(E8:E10)	=SUM(F8:F10)

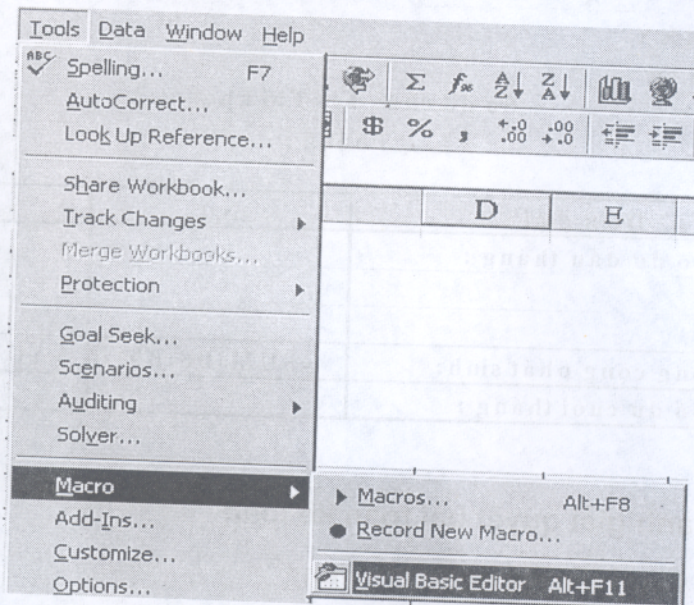
Ngày 2 tháng 1 năm 2005

Giám đốc

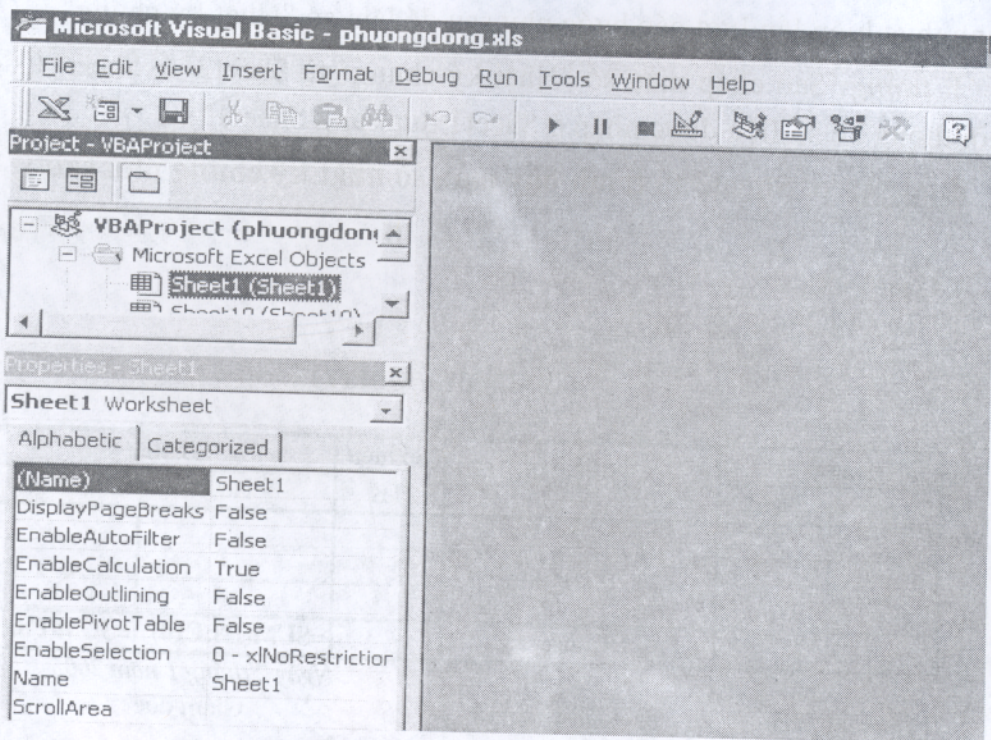
Kế toán trưởng

Bước 2: Tạo Form "In nhật ký chung"

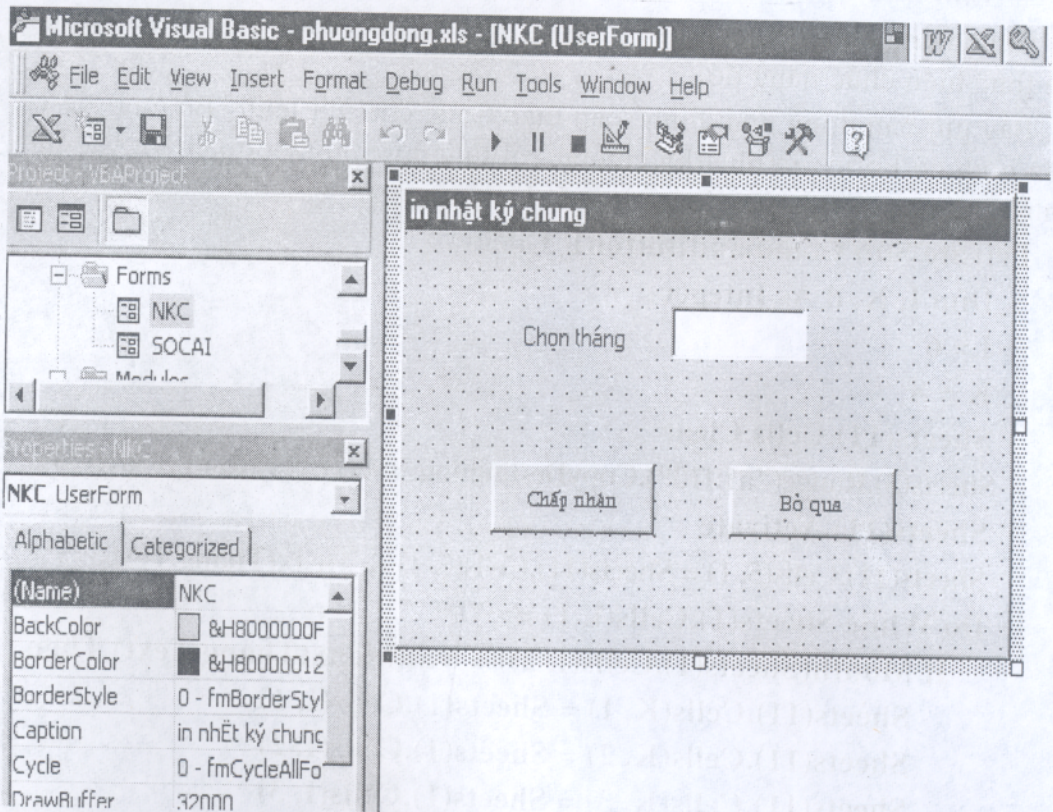
Bạn thực hiện thao tác : Chọn lệnh Tools trên thực đơn hệ thống rồi chọn tiếp Macro -> Visual Basic Editor



Sau thao tác trên ta sẽ được màn hình có dạng như sau :



Để tạo form "In nhật ký chung" bạn chọn lệnh Inser -> UserForm đồng thời bố trí các đối tượng điều khiển (Label, Textbox, CommandButton) trên Form như sau :



- Hãy đặt tên Form là : **NKC** ở thuộc tính Name của sổ Properties
- Viết tiêu đề "**in nhật ký chung**" ở thuộc tính Caption của cửa sổ Properties
- Đặt tên đối tượng Textbox là **txtThang** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties
- Các nút lệnh "**Chấp nhận**" và "**Bỏ qua**" viết vào thuộc tính Caption của cửa sổ Properties tương ứng.
- Đối tượng Label hãy gõ "**Chọn tháng**" vào thuộc tính Caption của cửa sổ Properties của đối tượng đó.

Bước 3 : Viết Code cho các nút lệnh CommandButton

Hãy nhấp đúp chuột vào nút lệnh "Bỏ qua" rồi viết lệnh : Unload Me

Thao tác này kết thúc thì màn hình viết Code cho nút lệnh này như sau :

```
Private Sub CommandButton2_Click()
```

```
Unload Me
```

```
End Sub
```

Chức năng của nút lệnh này là đóng Form NKC lại, do đó lệnh Unload Me thực hiện chức năng đó.

Bây giờ bạn đóng màn hình soạn thảo Code cho nút lệnh "Bỏ qua" để về màn hình có Form "in nhật ký chung" rồi thực hiện nháy đúp chuột vào nút lệnh "Chấp nhận" và viết Code cho nút lệnh này :

```
Private Sub CommandButton1_Click()
```

```
Dim I, K, d As Integer
```

```
I = 6
```

```
K = 8
```

```
Sheets(11).Cells.Clear
```

```
Sheets(3).Range("a1:f13").CopyDestination:=Sheets(11).Range("a1:f13")
```

```
Sheets(11).Activate
```

```
Sheets(11).Cells(5, 1) = Sheets(11).Cells(5, 1) & Me.txtThang.Text
```

```
Do While Sheets(1).Cells(I, 1) <> "#"
```

```
If Month(Sheets(1).Cells(I, 2)) = Val(Me.txtThang.Text) Then
```

```
Sheets(11).Cells(K, 1) = Sheets(1).Cells(I, 1)
```

```
Sheets(11).Cells(K, 2) = Sheets(1).Cells(I, 2)
```

```
Sheets(11).Cells(K, 3) = Sheets(1).Cells(I, 3)
```

```
Sheets(11).Cells(K, 4) = Sheets(1).Cells(I, 4)
```

```
Sheets(11).Cells(K, 5) = Sheets(1).Cells(I, 6)
```

```
Sheets(11).Cells(K + 1, 4) = Sheets(1).Cells(I, 5)
```

```
Sheets(11).Cells(K + 1, 6) = Sheets(1).Cells(I, 6)
```

```
K = K + 2
```

```
Sheets(11).Rows(K).Insert
```

```
Sheets(11).Rows(K).Insert
```

```
End If
```

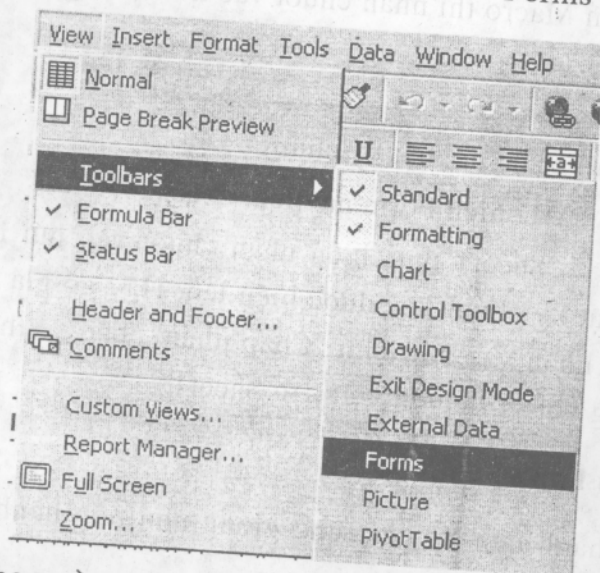
```
I = I + 1
```

```
Loop
```

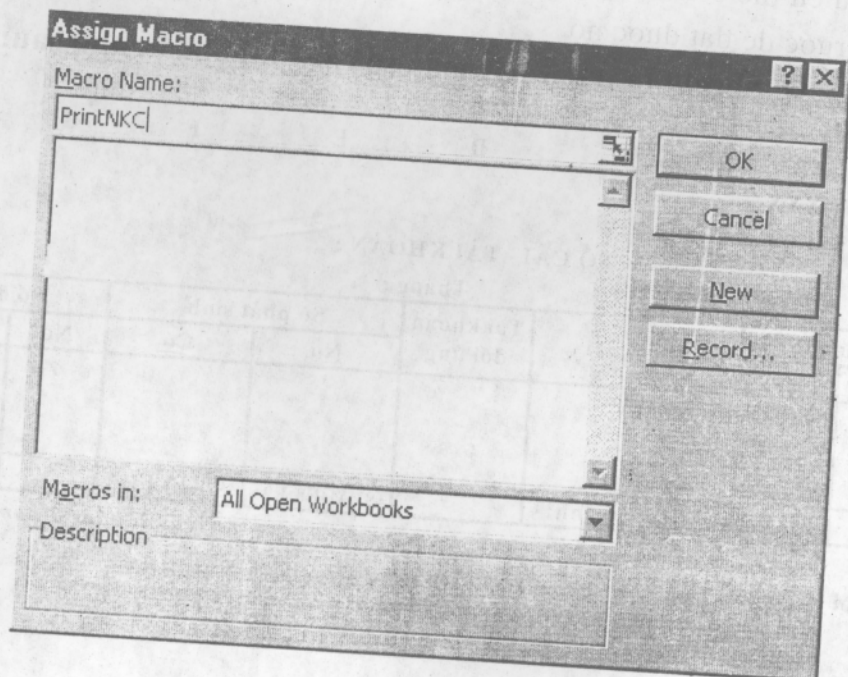
```
End Sub
```

Bước 3 : Trở về Sheet1 để tạo một Button (nút lệnh) với chức năng gọi Form "in nhật ký chung", cách làm như sau :

Trở về Sheet1 rồi Chọn View -> Toolbars -> Forms



Thao tác chọn này mục đích để hiện ra các điều khiển (Button,...) bạn chọn đối tượng Button và cho vào Sheet1, sau thao tác này bạn nhận thấy màn hình như sau :



Trong khung Macro Name : Bạn gõ vào tên Macro (Bạn gõ tùy ý song các giá trị ký tự gõ vào phải không có dấu cách, không được trùng tên với các đối tượng khác, ví dụ như tên Form....)

Nếu bạn đã đặt tên Macro thì nhấn chuột vào nút lệnh **New** và viết câu lệnh sau :

NKC.Show

NKC : Là tên của Form "in nhật ký chung"

Thuộc tính .Show là để hiện Form này lên.

Bây giờ bạn trở lại Sheet1 thực hiện nhấn chuột vào nút lệnh vừa tạo. Khi đó Form "in nhật ký chung" sẽ được hiện lên. Hãy gõ giá trị tháng cho Textbox Tháng, rồi nhấn vào nút lệnh "Chấp nhận", bạn sẽ thấy ở Sheet11 có sổ Nhật ký chung với số liệu được lấy từ Sheet1.

2.2. Thực hành làm sổ cái.

Các bước tiến hành làm *Sổ cái* cũng giống như tiến hành làm sổ *Nhật ký chung*.

Ở đây ta không nhắc lại các bước làm như bài thực hành trước mà dựa vào yêu cầu cụ thể ở bài này phải làm gì và tiến hành thực hiện các thao tác giống bài trước để đạt được nó.

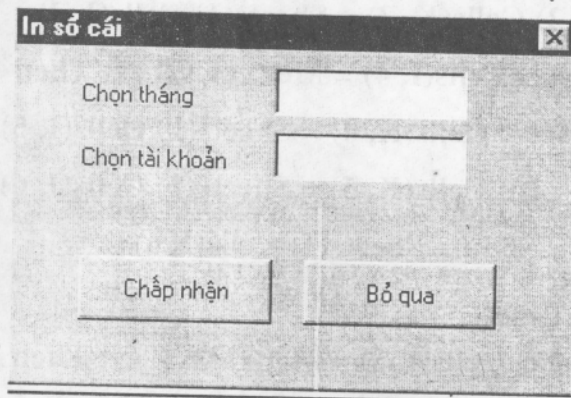
Bước 1: Ở Sheet4 ta trình bày mẫu sổ cái – tại khoản như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Công Ty XXX							
2	Phòng Tài Vụ							
3								
4	SỔ CÁI - TÀI KHOẢN :							
5	Tháng :							
6	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
7	Số	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
8			Dư đầu kỳ :					
9								
10			Cộng phát sinh:		=SUM(E8:E9)	=SUM(F8:F9)		
11								
12	Người lập biểu				Ngày 2 tháng 1 năm 2005			
13					Giám đốc			

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bước 2: Tạo Form "In sổ cái", Form đó có dạng như sau :



- Đặt tên đối tượng Textbox1 là **txtThang** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties.
 - Đặt tên đối tượng Textbox2 là **txtTK** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties.
- Với nút lệnh "Bỏ qua" bạn viết lệnh : Unload Me.
- Với nút lệnh "Chấp nhận" bạn hãy gõ vào đoạn chương trình sau.

Private Sub CommandButton1_Click()

Dim I, K As Integer

Dim Sodu As Double

Sheets(12).Activate

Sheets(12).Cells.Clear

Sheets(4).Range("a1:h13").Copy Destination:=Sheets(12).Range("a1:h13")

Sheets(12).Cells(3, 1) = Sheets(12).Cells(3, 1) & Me.txtTK.Text

Sheets(12).Cells(4, 1) = Sheets(12).Cells(4, 1) & Me.txtThang.Text

Sodu = DuDKy(Val(Me.txtTK.Text), Val(Me.txtThang.Text))

If Sodu > 0 Then Sheets(12).Cells(7, 7) = Sodu Else Sheets(12).Cells(7, 8) = -Sodu

I = 6

K = 8

Do While Sheets(1).Cells(I, 1) <> "#"

If Month(Sheets(1).Cells(I, 2)) = Val(Me.txtThang.Text) Then

If (Sheets(1).Cells(I, 4)) = Me.txtTK.Text Or
(Sheets(1).Cells(I, 5)) = Me.txtTK.Text Then

Sheets(12).Cells(K, 1) = Sheets(1).Cells(I, 1)

```

    Sheets(12).Cells(K, 2) = Sheets(1).Cells(I, 2)
    Sheets(12).Cells(K, 3) = Sheets(1).Cells(I, 3)
    If Sheets(1).Cells(I, 4) = Me.txtTK.Text Then
        Sheets(12).Cells(K, 4) = Sheets(1).Cells(I, 5)
        Sheets(12).Cells(K, 5) = Sheets(1).Cells(I, 6)
        Sodu = Sodu + Sheets(1).Cells(I, 6)
    End If
    If Sheets(1).Cells(I, 5) = Me.txtTK.Text Then
        Sheets(12).Cells(K, 4) = Sheets(1).Cells(I, 4)
        Sheets(12).Cells(K, 6) = Sheets(1).Cells(I, 6)
        Sodu = Sodu - Sheets(1).Cells(I, 6)
    End If
    If Sodu > 0 Then Sheets(12).Cells(K, 7) = Sodu Else
    Sheets(12).Cells(K, 8) = -Sodu
        K = K + 1
        Sheets(12).Rows(K).Insert
    End If
End If
I = I + 1
Loop
End Sub

```

Bạn để ý rằng trong đoạn chương trình trên có một lệnh mới, chính xác hơn đó là một hàm mới hàm đó là hàm **DUDKY**. Hàm này phải được khai báo trong đối tượng Modul. Bây giờ bạn nhấn đúp chuột vào đối tượng Modul1 hoặc trong màn hình Visual Basic Editor bạn chọn Insert -> Module để rồi gõ nguyên văn đoạn cách khai báo hàm DUDKY như đoạn chương trình sau đây :

```

Function DuDKy(Sotk As Long, Thang As Byte) As Double
    Dim I As Integer
    Dim SODN, FSDKNO, FSDKCO As Double
    SODN = 0
    I = 4
    Do While Sheets(2).Cells(I, 1) <> "#"
        If Sheets(2).Cells(I, 1) = Sotk Then
            SODN = Sheets(2).Cells(I, 4)
            If Sheets(2).Cells(I, 3) = "C6" Then SODN = -SODN
        Exit Do
    End If
    I = I + 1
Loop
    FSDKNO = 0
    FSDKCO = 0
    I = 6
    Do While Sheets(1).Cells(I, 1) <> "#"
        If Month(Sheets(1).Cells(I, 2)) < Thang Then
            If Sheets(1).Cells(I, 4) = Sotk Then FSDKNO = FSDKNO +
Sheets(1).Cells(I, 6)
            If Sheets(1).Cells(I, 5) = Sotk Then FSDKCO = FSDKCO +
Sheets(1).Cells(I, 6)
        End If
        I = I + 1
    Loop
    DuDKy = SODN + FSDKNO - FSDKCO
End Function

```

Công việc tiếp theo là bạn hãy trở về Sheet1 tạo nút lệnh mà có chức năng gọi Form "in sổ cái" mà cách tiến hành cũng giống như làm cho "in nhật ký chung"

2.3. Thực hành làm sổ quỹ

Bước 1: Ở Sheet5 ta trình bày mẫu sổ quỹ – tài khoản như sau :

	A	B	C	D	E	F	G
1	Công Ty XXX						
2	Phòng Tài Vụ						
3							
4	SỔ QUỸ - TÀI KHOẢN :						
5	Tháng:						
6	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		
7	Số	Ngày			Thu	Chi	Tồn
8			Dư đầu kỳ :				
9							
10			Cộng phát sinh :		=SUM(E8:E9)	=SUM(F8:F9)	=G7+E10-F10
11							
12	Người lập biểu		Kế toán trưởng		Ngày 2 tháng 1 năm 2005		
13					Giám đốc		

Bước 2: Tạo Form In sổ quỹ

Chúng ta biết rằng sổ quỹ thực chất cũng giống như là sổ cái của tài khoản 111, 112, vì vậy để có được sổ quỹ trước hết chúng ta tiến hành tạo Form giống hệt như làm sổ cái, song ta cần phải làm sao cho người sử dụng chỉ gõ vào tham số chọn tài khoản ở trên Form các tài khoản là 111 hoặc 112 mà thôi.

In sổ quỹ

Chọn tháng

Chọn tài khoản

Chấp nhận

Bỏ qua

- Đặt tên đối tượng Textbox1 là **txtThang** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties

- Đặt tên đối tượng Textbox2 là **txtTK** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties

Để người sử dụng chỉ gõ được các tài khoản 111, 112 vào Textbox "txtTK" hay nói đúng hơn là cần kiểm tra người sử dụng gõ vào hộp Textbox này các tài khoản 111, 112 thôi, muốn vậy ta cần phải viết đoạn chương trình ở Textbox này với sự kiện (Event) exit.

Trước hết các bạn cần phải hiểu sự kiện exit : Sự kiện này là sự kiện khi người sử dụng đã nhập số liệu cho Textbox này rồi và chuyển con trỏ tới đối tượng khác. Để viết đoạn chương trình kiểm tra điều kiện nhập số liệu chỉ là các tài khoản 111, 112 bạn cần thực hiện các thao tác sau :

(i) : Nhấn đúp chuột vào Textbox này, khi đó máy tính sẽ để cho bạn viết các lệnh cho sự kiện Change, bạn cần thay đổi sự kiện Change thành sự kiện exit, sau thao tác trên, màn hình của bạn có dạng sau :

```
Private Sub txtTK_Exit(ByVal Cancel As MSForms.ReturnBoolean)
```

```
End Sub
```

(ii) : Viết các lệnh cho sự kiện này, hãy gõ vào giữa Private Sub và End Sub đoạn chương trình sau :

```
If Left(Me.txtTK.Value, 2) = "11" Then
```

```
Me.CommandButton1.Enabled = True
```

```
Else
```

```
MsgBox "Số quỹ không có số TK : " & Me.txtTK.Value
```

```
Me.CommandButton1.Enabled = False
```

```
End If
```

Đoạn chương trình trên sẽ làm việc như sau :

Nếu người sử dụng gõ vào một số tài khoản nào đó thì nó sẽ trích ra bên trái số tài khoản đó 2 ký tự và so sánh với giá trị "11", nếu đúng thì đó đích thực là các tài khoản 111, 112 và nút lệnh "Chấp nhận" được phép

nhấn, ngược lại nó đưa ra thông báo và nút lệnh "Chấp nhận" không được phép nhấn.

Bước 3: bạn cần gõ vào nút lệnh "Chấp nhận" đoạn chương trình sau:

```
Private Sub CommandButton1_Click()
```

```
Dim I, K As Integer
```

```
Dim Sodu As Double
```

```
Sheets(13).Activate
```

```
Sheets(13).Cells.Clear
```

```
Sheets(5).Range("a1:g12").Copy Destination:=Sheets(13).Range("a1:g12")
```

```
Sheets(13).Cells(3, 1) = Sheets(13).Cells(3, 1) & Me.txtTK.Text
```

```
Sheets(13).Cells(4, 1) = Sheets(13).Cells(4, 1) & Me.txtThang.Text
```

```
Sodu = DuDKy(Val(Me.txtTK.Text), Val(Me.txtThang.Text))
```

```
Sheets(13).Cells(7, 7) = Sodu
```

```
I = 6
```

```
K = 8
```

```
Do While Sheets(1).Cells(I, 1) <> "#"
```

```
    If Month(Sheets(1).Cells(I, 2)) = Val(Me.txtThang.Text) Then
```

```
        If (Sheets(1).Cells(I, 4) = txtTK.Text) Or (Sheets(1).Cells(I, 5)  
= txtTK.Text) Then
```

```
            Sheets(13).Cells(K, 1) = Sheets(1).Cells(I, 1)
```

```
            Sheets(13).Cells(K, 2) = Sheets(1).Cells(I, 2)
```

```
            Sheets(13).Cells(K, 3) = Sheets(1).Cells(I, 3)
```

```
            If Sheets(1).Cells(I, 4) = Me.txtTK.Text Then
```

```
                Sheets(13).Cells(K, 4) = Sheets(1).Cells(I, 5)
```

```
                Sheets(13).Cells(K, 5) = Sheets(1).Cells(I, 6)
```

```
                Sodu = Sodu + Sheets(1).Cells(I, 6)
```

```
            Else
```

Sheets(13).Cells(K, 4) = Sheets(1).Cells(I, 4)

Sheets(13).Cells(K, 6) = Sheets(1).Cells(I, 6)

Sodu = Sodu - Sheets(1).Cells(I, 6)

End If

Sheets(13).Cells(K, 7) = Sodu

K = K + 1

Sheets(13).Rows(K).Insert

End If

End If

I = I + 1

Loop

End Sub

Sau đó bạn cần gõ vào nút lệnh "Bỏ qua" như sau :

Private Sub CommandButton1_Click()

End

End Sub

2.4. Thực hành làm Bảng cân đối phát sinh (Bảng cân đối tài khoản)

Bước 1: Ở Sheet 6 ta trình bày mẫu Bảng cân đối phát sinh như sau:

	A	B	C	D	E	F	G	H
1	Công Ty XXX							
2	Phòng Tài Vụ							
3								
4	BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN							
5	Tháng:							
6	MãTK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong		Số dư cuối kỳ	
7			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
8								
9	Cộng :		=SUM(C7:C8)	=SUM(D7:D8)	=SUM(E7:E8)	=SUM(F7:F8)	=SUM(G7:G8)	=SUM(H7:H8)
10								
11	Người lập biểu		Kế toán trưởng		Ngày 2 tháng 1 năm 2005			
					Giám đốc			

Bước 2 : Trong màn hình Visual Basic Editor bạn chọn Insert -> Module để rồi gõ nguyên văn đoạn khai báo hàm FSTK trong modul đó như đoạn chương trình sau đây :

Type FSINH

No As Double

Co As Double

End Type

Function FSTK(Sotk As Long, Thang As Byte) As FSINH

Dim I As Integer

Dim FSNO, FSCO As Double

FSNO = 0

FSCO = 0

I = 6

Do While Sheets(1).Cells(I, 1) <> "#"

If Month(Sheets(1).Cells(I, 2)) = Thang Then

If Sheets(1).Cells(I, 4) = Sotk Then FSNO = FSNO + Sheets(1).Cells(I, 6)

If Sheets(1).Cells(I, 5) = Sotk Then FSCO = FSCO + Sheets(1).Cells(I, 6)

End If

I = I + 1

Loop

FSTK.No = FSNO

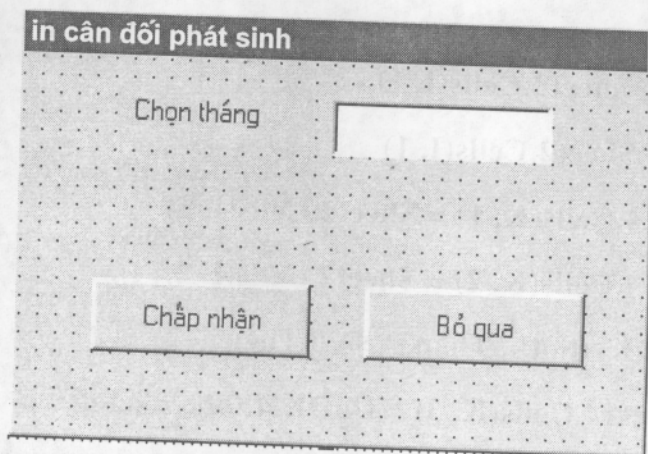
FSTK.Co = FSCO

End Function

Bước 3 : Tạo Form In cân đối phát sinh

Về tư tưởng làm bảng cân đối phát sinh cũng giống như các sổ sách kế toán, nghĩa là cũng sẽ chép mẫu bảng cân đối tài khoản từ Sheet6 -> Sheet14. Cơ sở làm bảng cân đối trên Sheet14 sẽ được lấy số liệu từ Sheet2 và Sheet1.

Trước hết bạn vẫn phải tạo Form "in cân đối phát sinh" như mẫu sau :



- Hãy đặt tên Form là : CDFS
- Đặt tên Textbox là : txtThang
- Giữ nguyên tên của các Command button

Với nút lệnh "Bỏ qua" bạn gõ vào đoạn code sau :

```
Private Sub CommandButton2_Click()
```

```
Unload Me
```

```
End Sub
```

Với nút lệnh "Chấp nhận" bạn cần gõ đoạn chương trình sau :

```
Private Sub CommandButton1_Click()
```

```
Dim Thang As Byte
```

```
Dim Sotk As Long
```

```
Dim I, K As Integer
```

```
Sheet14.Activate
```

```
Sheet14.Cells.Clear
```

```
Sheet6.Range("a1:H12").Copy
```

```
Destination:=Sheet14.Range("a1:h12")
```

```
Sheet14.Cells(4, 1) = Sheet14.Cells(4, 1) & Me.txtThang.Text
```

```
Thang = txtThang.Text
```

I = 4

K = 7

Do While Sheet2.Cells(I, 1) <> ""

Sotk = Sheet2.Cells(I, 1)

Sheet14.Cells(K, 1) = Sheet2.Cells(I, 1)

Sheet14.Cells(K, 2) = Sheet2.Cells(I, 2)

If DuDKy(Sotk, Thang) >= 0 Then

Sheet14.Cells(K, 3) = DuDKy(Sotk, Thang)

Else

Sheet14.Cells(K, 4) = -DuDKy(Sotk, Thang)

End If

Sheet14.Cells(K, 5) = FSTK(Sotk, Thang).No

Sheet14.Cells(K, 6) = FSTK(Sotk, Thang).Co

If DuDKy(Sotk, Thang + 1) >= 0 Then

Sheet14.Cells(K, 7) = DuDKy(Sotk, Thang + 1)

Else

Sheet14.Cells(K, 8) = -DuDKy(Sotk, Thang + 1)

End If

I = I + 1

K = K + 1

Sheet14.Rows(K).Insert

Loop

End Sub

2.5. Thực hành làm Bảng cân đối kế toán

Bước 1: Ở Sheet 7 ta trình bày mẫu Bảng cân đối kế toán như sau:

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

A

B

C

D

E

Công ty XXX

Phòng tài vụ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tháng :

Đơn vị tính : VND

MãTK	Tài sản	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
	Tổng cộng tài sản :		=SUM(D9:D10)	=SUM(E9:E10)

	Nguồn vốn	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
	Tổng cộng nguồn vốn :		=SUM(D14:D15)	=SUM(E14:E15)

19 Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 2 tháng 1 năm 2005

Giám đốc

Bước 2: Tạo Form In Bảng cân đối kế toán

In bảng cân đối kế toán

Cho Tháng :

Chấp nhận

Bỏ qua

Đặt tên cho Textbox là txtThang

Bước 3: Bạn cần gõ vào nút lệnh "Chấp nhận" đoạn chương trình sau:

Private Sub CommandButton1_Click()

Dim I, J, K As Integer

Dim Sodu As Double

Dim MaTK As Long

Dim TenTK As String

Dim Thang As Byte

Sheet15.Select

Sheet15.Cells.Clear

Thang = txtThang.Text

I = 4

J = 9

Sheet7.Range("a1:e19").Copy Destination:=Sheet15.Range("a1:e19")

Sheet15.Cells(5, 1) = Sheet15.Cells(5, 1) & txtThang.Text

Do While Sheet2.Cells(I, 1) <> "#"

If Left(Sheet2.Cells(I, 1), 1) = 1 Or Left(Sheet2.Cells(I, 1), 1) = 2 Then

MaTK = Sheet2.Cells(I, 1)

TenTK = Sheet2.Cells(I, 2)

Sheet15.Cells(J, 1) = MaTK

Sheet15.Cells(J, 2) = TenTK

Sheet15.Cells(J, 3) = J - 8

Sheet15.Cells(J, 4) = DuDKy(MaTK, 1)

Sheet15.Cells(J, 5) = DuDKy(MaTK, Thang + 1)

J = J + 1

Sheet15.Rows(J).Insert

End If

I = I + 1

Loop

I = 4

K = J + 5

Do While Sheet2.Cells(I, 1) <> "#"

If Left(Sheet2.Cells(I, 1), 1) = 3 Or Left(Sheet2.Cells(I, 1), 1) = 4 Then

MaTK = Sheet2.Cells(I, 1)

TenTK = Sheet2.Cells(I, 2)

Sheet15.Cells(K, 1) = MaTK

Sheet15.Cells(K, 2) = TenTK

Sheet15.Cells(K, 3) = K - 13

Sheet15.Cells(K, 4) = -DuDKy(MaTK, 1)

Sheet15.Cells(K, 5) = -DuDKy(MaTK, Thang + 1)

K = K + 1

Sheet15.Rows(K).Insert

End If

I = I + 1

Loop

End Sub

Sau đó bạn cần gõ vào nút lệnh "Bỏ qua" như sau :

Private Sub CommandButton1_Click()

End

End Sub

2.6. Thực hành In sơ đồ chữ T

Bước 1: Ở Sheet8 ta trình bày mẫu Sơ đồ chữ T như sau :

	A	B	C
1	Công ty XXX		
2	Phòng tài vụ		
3	SƠ ĐỒ CHỮ T - TÀI KHOẢN: Tháng :		
4			
5			
6	Diễn giải	Nợ	Có
7	Số dư đầu tháng :		
8			
9			
10	Tổng cộng phát sinh:	=SUM(B8:B9)	=SUM(C8:C9)
11	Số dư cuối tháng :		
12			

Bước 2: Tạo Form "In Sơ đồ chữ T", Form đó có dạng như sau :

In tài khoản hình chữ T

Cho Tháng :

Cho tài khoản:

Bắt đầu

Kết thúc

- Đặt tên đối tượng Textbox1 là **txtThang** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties

- Đặt tên đối tượng Textbox2 là **txtTK** ở thuộc tính Name của cửa sổ Properties

Với nút lệnh "Bỏ qua" bạn viết lệnh : Unload Me

Với nút lệnh "Chấp nhận" bạn hãy gõ vào đoạn chương trình sau

Private Sub CommandButton1_Click()

Dim I, K As Integer

Dim Sodu As Double

Sheets(16).Activate

Sheets(16).Cells.Clear

Sheets(8).Range("a1:c13").Copy Destination:=Sheets(16).Range("a1:c13")

Sheets(16).Cells(3, 1) = Sheets(16).Cells(3, 1) & Me.txtTK.Text

Sheets(16).Cells(4, 1) = Sheets(16).Cells(4, 1) & Me.txtThang.Text

Sodu = DuDKy(Val(Me.txtTK.Text), Val(Me.txtThang.Text))

If Sodu>0 Then Sheets(16).Cells(7,2)=Sodu Else Sheets(16).Cells(7, 3)=-Sodu

Sodu = DuDKy(Val(Me.txtTK.Text), Val(Me.txtThang.Text) + 1)

If Sodu>0 Then Sheets(16).Cells(11,2)=Sodu Else Sheets(16).Cells(11,3) =-Sodu

I = 6

K = 8

Do While Sheets(1).Cells(I, 1) <> "#"

If Month(Sheets(1).Cells(I, 2)) = Val(Me.txtThang.Text) Then

If (Sheets(1).Cells(I, 4)) = Me.txtTK.Text Or (Sheets(1).Cells(I, 5)) = Me.txtTK.Text Then

Sheets(16).Cells(K, 1) = Sheets(1).Cells(I, 3)

**If Sheets(1).Cells(I, 4) = Me.txtTK.Text Then Sheets(16).Cells(K, 2)
= Sheets(1).Cells(I, 6)**

**If Sheets(1).Cells(I, 5) = Me.txtTK.Text Then Sheets(16).Cells(K, 3)
= Sheets(1).Cells(I, 6)**

K = K + 1

Sheets(16).Rows(K).Insert

End If

End If

I = I + 1

Loop

End Sub

Như vậy toàn bộ tư tưởng giải quyết bài toán kế toán thông qua việc thực hành lấy một số báo cáo ta nhận thấy : các phát sinh hàng ngày của doanh nghiệp sẽ được nhập trên Sheet1, còn số dư đầu năm của các tài khoản được nhập ở Sheet2, việc lấy bất cứ báo cáo gì cũng phải được lấy số liệu từ các Sheet này kết hợp với mẫu báo cáo nào đó được lưu ở các Sheet trung gian. Cách tổ chức này có ưu điểm là báo cáo khi được lấy đúng như mẫu quy định không mất công phải kẻ vẽ lại. Trên cơ sở ý tưởng đó các vấn đề cho việc lấy Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ... cũng được làm tương tự.

3. Bài tập:

Giả sử trong một tệp của Excel ở Sheet1 ta đã vào các chứng từ phát sinh, ở Sheet2 đã vào danh mục tài khoản kế toán và số dư đầu năm.

1. Xây dựng một Form nhập vào một ngày. Đưa ra tổng số tiền thu được và tổng số tiền chi ra trong ngày đó, dữ liệu là các chứng từ phát sinh được lấy ở Sheet1.
2. Xây dựng một Form nhập vào hai tài khoản (TK1 và TK2) và một tháng (T). Đưa ra hai tổng số tiền phát sinh nợ và phát sinh có : tổng phát sinh nợ là tổng các số tiền mà tài khoản ghi nợ là TK1, tài khoản ghi có là TK2, tổng phát sinh có là tổng các số tiền mà tài khoản ghi có là TK1, tài khoản ghi nợ là TK2 của các chứng từ phát sinh trong tháng T (dữ liệu ở Sheet1).
3. Xây dựng một Form in sổ cái tổng hợp (dữ liệu ở Sheet1 và Sheet2).

Chương 2

CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN MÁY ACCWIN

I. KHỞI ĐỘNG VÀ THOÁT KHỎI CHƯƠNG TRÌNH ACCWIN

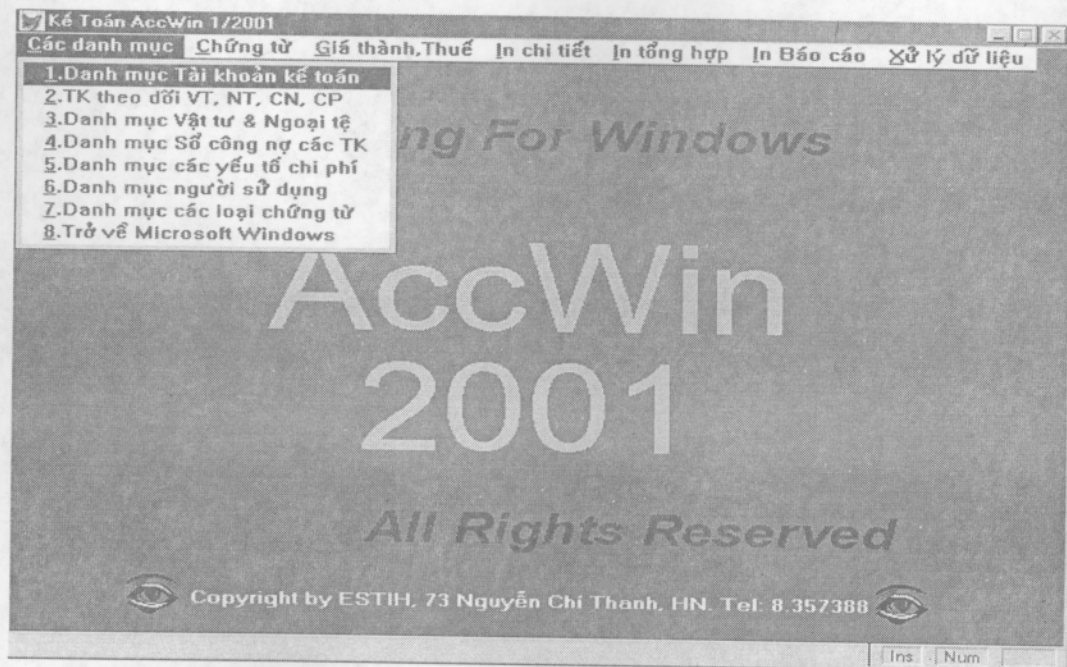
Mục tiêu: Giúp cho học sinh biết cách khởi động và thoát khỏi chương trình, biết cách khai báo các thông số và vào được danh mục chứng từ gốc.

1. Khởi động kế toán AccWin

Để khởi động ACCWIN đầu tiên ta chạy WINDOWS sau đó vào cửa sổ Quản lý Kế toán kích kép trỏ chuột tại biểu tượng ACCWIN, sẽ hiện ra :

Mật khẩu:

Ta gõ vào ACCWIN <Enter> (nếu đang chạy tiếng Việt, nhớ tắt tiếng Việt, nếu không khi đánh ACCWIN sẽ bị trở thành ACCrIN, mật khẩu này sau này ta có thể thay đổi lại) lúc này màn hình Quản lý Kế toán sẽ hiện ra như sau :



Dòng đầu tiên của màn hình gọi là dòng tiêu đề (Title Bar), dòng thứ 2 gọi là thanh menu (Menu Bar). Trên Menu Bar có các menu đổ xuống (Menu Popup), mỗi một Menu Popup khi ta đưa trỏ chuột đến đó sẽ đổ xuống các lựa chọn (Menu Option). Sau đây ta sẽ xét từng Menu Popup.

2. Khai báo các thông số

Thực hiện lệnh : **Chứng từ / Khai báo các thông số**. Xuất hiện :

Khai báo các thông số

Tháng hạch toán : 1

Năm hạch toán : 4

Mã người sử dụng : A

Tên cơ quan : Trường THBC KTTH Hà Nội

Mã số thuế :

Địa chỉ : Số 73 Nguyễn Chí Thanh Hà Nội

Thay Mật khẩu :

Ngày tháng in : 09/01/2001

OK

Cancel

Tháng hạch toán : đưa vào tháng hạch toán.

Năm hạch toán : đưa vào năm hạch toán.

Mã người sử dụng : đưa vào mã của người sử dụng là A.

Tên cơ quan : Gõ vào tên cơ quan chủ quản.

Thay mật khẩu : đưa vào mật khẩu mới nếu muốn thay đổi mật khẩu, lúc đó máy sẽ hỏi mật khẩu cũ : đưa vào mật khẩu cũ.

Khi khai báo các thông số xong chọn OK, còn nếu muốn hủy bỏ các khai báo chọn Cancel.

3. Danh mục các loại chứng từ

Chọn : Các danh mục /Danh mục các loại chứng từ. Xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Bản ghi số : 1 / 11

Tên tắt loại chứng từ gốc : PT

Tên gọi loại chứng từ gốc : PHIEU THU

Tài khoản Nợ : 111

Đối tượng pháp nhân nợ :

Tài khoản Có :

Đối tượng pháp nhân có :

Các lựa chọn ở dòng trên cùng như sau :

Append : thêm một bản ghi vào cuối

Edit : sửa bản ghi hiện tại đang hiện trên màn hình có thể là một bản ghi trắng

Prior : xem bản ghi trước bản ghi hiện tại

Next : xem bản ghi sau bản ghi hiện tại

Brow : xem sửa các bản ghi theo dạng bảng

Ins Bef : chèn một bản ghi trắng trước bản ghi hiện tại

Ins Aft : chèn một bản ghi trắng sau bản ghi hiện tại

Delete : xóa bản ghi hiện tại

Goto : nhảy đến bản ghi có số thứ tự hoặc có mã người sử dụng

Quit : thoát ra khỏi trình nhập dữ liệu trở về menu chính

Tên tắt loại chứng từ gốc : ví dụ PT : Phiếu thu, PC : Phiếu chi

Tên gọi loại chứng từ gốc : ví dụ Phiếu thu, Phiếu chi

Tài khoản nợ (có) : loại chứng từ này thường định khoản ghi nợ (có) vào TK nào

4. Thoát khỏi chương trình

Chọn : **Các danh mục / Trở về Microsoft Windows**

5. Bài tập thực hành số 1

5.1. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Danh mục người sử dụng

- Nhập một người sử dụng :

Mã NSD là **A**

Tên NSD là **Kế toán tổng hợp**

5.2. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Khai báo các thông số

- Khai báo năm hạch toán là **00** (00: năm 2000, 01: năm 2001, 02: năm 2002, ...)

- Khai báo tháng hạch toán là **01** (01: tháng 1, 02: tháng 2, 03: tháng 3, ...)

- Khai báo người sử dụng là **A**

5.3. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Danh mục các loại chứng từ

LCTG	TENCTG	TKNO	TKCO
PT	Phiếu thu	111	
PC	Phiếu chi		111
PN	Phiếu nhập	152	
PX	Phiếu xuất		152
GBN	Giấy báo nợ	112	
GBC	Giấy báo có		112

II. KẾ TOÁN TÀI KHOẢN

Mục tiêu: Học xong bài này học sinh sẽ nhập được danh mục tài khoản kế toán và sổ dư đầu năm, vào được các chứng từ phát sinh sau đó in ra được các sổ như Sổ quỹ, Sổ cái, Bảng cân đối tài khoản...

1. Danh mục tài khoản kế toán

Chọn : Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán. Màn hình xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Bản ghi số : 1 / 271

Mã tài khoản : 111

Tên tài khoản : Tiền mặt

Loại tài khoản : C

Dư nợ đầu năm : 0

Dư có đầu năm : 0

Người sử dụng : A

Các lựa chọn ở dòng trên cùng như sau :

Append : thêm một bản ghi vào cuối chú ý các mã tài khoản phải khác nhau

Edit : sửa bản ghi hiện tại đang hiện trên màn hình có thể là một bản ghi trắng

Prior : xem bản ghi trước bản ghi hiện tại

Next : xem bản ghi sau bản ghi hiện tại

Brow : xem sửa các bản ghi theo dạng bảng

Ins Bef : chèn một bản ghi trắng trước bản ghi hiện tại

Ins Aft : chèn một bản ghi trắng sau bản ghi hiện tại

Delete : xóa bản ghi hiện tại

Goto : nhảy đến bản ghi có số thứ tự hoặc có mã người sử dụng

Quit : thoát ra khỏi trình nhập dữ liệu trở về menu chính

Ta xét các dòng ở dưới :

Mã tài khoản : đưa vào mã tài khoản mà phòng kế toán của doanh nghiệp đặt ra (có độ dài 7 ký tự và các mã tài khoản phải khác nhau)

Tên tài khoản : đưa vào tên tài khoản ứng với mã tài khoản ở trên (có độ dài 30 ký tự)

Loại tài khoản : đưa vào C hoặc N. Loại C là loại TK có số dư nợ. Loại N là loại TK có số dư có. Đối với các tài khoản không có số dư thì tùy theo nó hay phát sinh ở bên nợ trước hay bên có trước mà đưa vào là C hay N.

Dư nợ (có) đầu năm : đưa vào số dư đầu năm (nếu doanh nghiệp bắt đầu sử dụng chương trình ACCWIN 2.0 từ tháng 4 thì đưa vào số dư của đầu tháng 4)

Mã người sử dụng : để nguyên mã người sử dụng là A

2. Nhập dữ liệu

Kế Toán AccWin 1/2001

Append Edit Prior Next Brow Ins Bef Ins Aft Delete Goto Print Quit

Bản ghi số 1 / 12

Loại CT : PT Số CT : PT01/01 Ngày CT : 01/01/2000

Diễn giải: Rút tiền mặt từ tiền gửi ngân hàng về quỹ

TK nợ : 111 Tiền mặt

TK có : 112 Tiền gửi ngân hàng

Thành tiền : 120 000

Cộng tiền : 120 000

Kta11 Record: 1/12 Record Unlocked

Ins Num

Giả sử ta thực hiện lệnh **Chứng từ / 5. Kế toán tổng hợp**. Màn hình xuất hiện:

Loại chứng từ: Đưa vào tên tắt loại chứng từ 6 ký tự (nếu quên ấn F₁ máy sẽ hiện ra các loại chứng từ đã khai báo ở danh mục các loại chứng từ), chú ý các chứng từ sau phải đưa tên tắt tương ứng như sau (phải chính xác vì máy căn cứ vào các tên tắt này để xử lý):

Phiếu xuất kho : phải đưa vào là PX

Phiếu nhập kho : phải đưa vào là PN

Phiếu xuất bán : phải đưa vào là PXB

Số chứng từ : đưa vào số chứng từ (12 ký tự)

Ngày chứng từ : đưa vào ngày chứng từ dạng dd/mm/yy

Diễn giải : đưa vào giải thích không quá 50 ký tự

Tài khoản Nợ : đưa vào TK nợ (nếu quên ấn F1)

Tài khoản Có : đưa vào TK có (nếu quên ấn F1)

Số lượng : đưa vào số lượng nhập, xuất hoặc bán

Giá đơn vị : đưa vào giá mua nếu là PN, giá vốn nếu là PX (giá này máy đưa ra là giá bình quân gia quyền)

(Nếu Số lượng và số tiền bằng 0 khi xử lý máy sẽ xóa đi)

Chú ý :

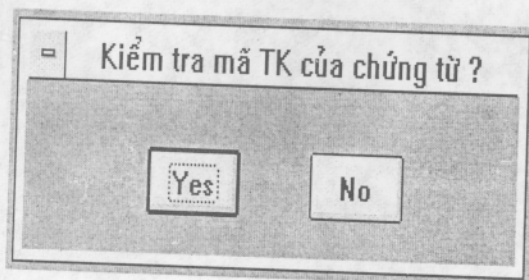
Nếu TK nợ là TK đã khai báo trong **TK theo dõi VT,NT,CN,CP** thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN nợ, YTCP nợ, Mã DM nợ

Nếu TK có là TK đã khai báo trong **TK theo dõi VT,NT,CN,CP** thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN Có, YTCP có, Mã DM có

Để in **Chứng từ ghi sổ** ta vào Brow và ấn phím F₃.

3. Xử lý dữ liệu

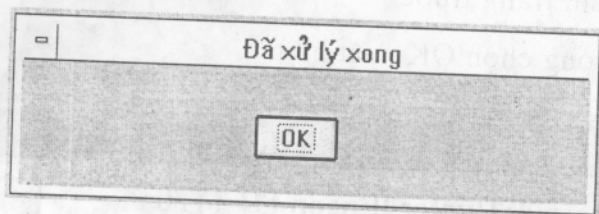
Thực hiện lệnh : **Chứng từ / Xử lý dữ liệu**. Xuất hiện :



□ Kiểm tra mã TK của chứng từ ?

Yes No

Thông thường không cần kiểm tra mã TK vì khi nhập dữ liệu máy đã kiểm tra nên chọn No để máy xử lý nhanh hơn (còn nếu ta lấy chứng từ ở máy khác hoặc đã sửa bằng Brow thì nên kiểm tra lại bằng cách chọn Yes). Sau khi xử lý xong màn hình hiện :



Ta chọn OK

Khi xử lý máy chỉ cập nhập các số phát sinh nợ, có trong kỳ số dư cuối kỳ của các TK mà người sử dụng quản lý còn của người khác không cập nhập.

Sau khi xử lý dữ liệu ta có thể in các sổ kế toán.

4. In Sổ quỹ, tiền gửi

Thực hiện lệnh : **Giá thành, Thuế / In sổ quỹ, tiền gửi.** Xuất hiện :
In sổ quỹ tiền gửi cho tài khoản: Ta đưa vào mã tài khoản hoặc ấn F₁ để chọn

Page Preview

Trường THPT KHTN HN 141

TK 112. Tiền gửi ngân hàng
Tháng : 1 / 2001

Thu	Cử	Ngày CT	Nội dung	TK Nợ	Nợ Nợ	Ph Có	Có Có
			CĐ đầu kỳ				294.000
			Phí chuyển tiền	111		20.000	244.000
			Chuyển tiền từ tài khoản khác	111		50.000	294.000
			Chuyển tiền từ tài khoản khác	111		120.000	414.000
			Tổng cộng			190.000	194.000

Ngày 01 tháng 1 năm 2001
Chữ ký trưởng
Chữ ký kế toán

OK

Next

Previous

Page 1

Zoom In

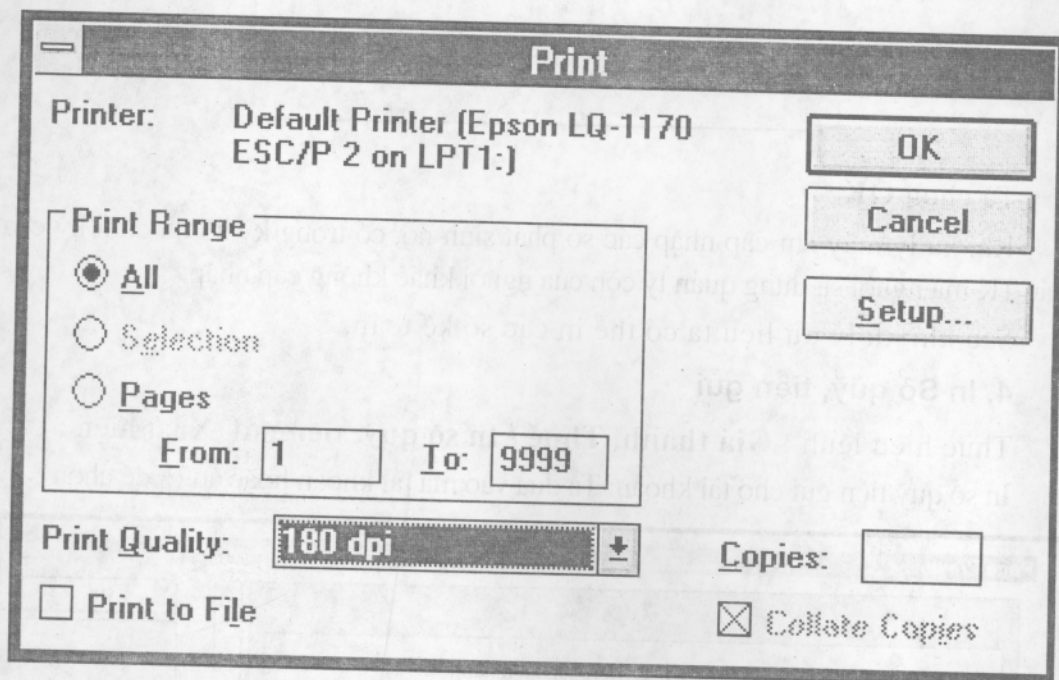
Zoom Out

- Muốn xem ở chỗ nào ấn vào chỗ ấy một lần để phóng to ra để xem, ấn lần nữa sẽ thu nhỏ lại.

- Next : xem trang tiếp theo

- Previous : xem trang trước

- Khi xem xong chọn OK xuất hiện :



+ In từ trang nào đến trang nào chọn ở mục From : cho đến To :

+ Chọn OK nếu muốn in, còn nếu không chọn Cancel

5. In sổ chi tiết và bảng tổng hợp tài khoản

5.1. In sổ chi tiết tài khoản

Thực hiện lệnh **In sổ chi tiết / In sổ chi tiết tài khoản**. Xuất hiện In sổ chi tiết cho tài khoản :

Đưa vào mã tài khoản cần in sổ chi tiết <Enter> (nếu quên ấn F₁)

Sau một lúc xuất hiện

6.2. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Khai báo các thông số

- Khai báo năm hạch toán là **00** (00: năm 2000, 01: năm 2001, 02: năm 2002, ...)
- Khai báo tháng hạch toán là **01** (01: tháng 1, 02: tháng 2, 03: tháng 3, ...)
- Khai báo người sử dụng là **A**

6.3. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán

- Nhập danh mục tài khoản kế toán sau

Mã TK	Tên tài khoản	Loại TK	Mã NSD	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
111	Tiền mặt	C	A	2,000	-
112	Tiền gửi ngân hàng	C	A	864,000	-
131	Phải thu của khách hàng	C	A	163,000	-
141	Tạm ứng	C	A	45,000	-
152	Nguyên liệu, Vật liệu	C	A	1,478,000	-
154	Sản phẩm dở dang	C	A	638,000	-
155	Thành phẩm	C	A	247,000	-
211	Tài sản cố định hữu hình	C	A	6,863,000	-
311	Vay ngắn hạn	N	A	-	1,287,000
331	Phải trả người bán	N	A	-	72,000
333	Thuế và các khoản phải nộp NN	N	A	-	168,000
334	Phải trả công nhân viên	N	A	-	96,000
411	Nguồn vốn kinh doanh	N	A	-	6,880,000
414	Quỹ phát triển kinh doanh	N	A	-	654,000
421	Lãi chưa phân phối	N	A	-	895,000
441	Nguồn vốn đầu tư xây dựng CB	N	A	-	248,000
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	C	A	-	-

- a. Thực hiện lệnh Các danh mục / Tài khoản theo dõi VT, NT, CN, CP
- b. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục sổ công nợ các TK
- c. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục vật tư, ngoại tệ
- d. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục các yếu tố chi phí
- e. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục loại chứng từ gốc

6.4. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK.nợ	TK.có	Số tiền
PT	PT01/01	01/01/20	Rút tiền mặt từ tiền gửi ngân hàng về quỹ	111	112	120,000
PC	PC01/01	02/01/20	Xuất tiền mặt ở quỹ chi trả lương cho công nhân viên	334	111	96,000
PT	PT02/01	03/01/20	Khách hàng trả tiền mua hàng nợ kỳ trước bằng tiền mặt	111	131	50,000
GBC	BC01/01	04/01/20	Chuyển tiền gửi ngân hàng nộp thuế cho nhà nước	333	112	40,000
PT	PT03/01	05/01/20	Công nhân viên nộp tiền mặt vào quỹ hoàn trả tiền tạm ứng	111	141	30,000
PC	PC02/01	06/01/20	Xuất tiền mặt ở quỹ trả cho nợ người bán tiền mua vật liệu	331	111	12,000
GBC	BC02/01	07/01/20	Chuyển tiền gửi ở ngân hàng trả khoản vay ngắn hạn	311	112	520,000
KC	KC01/01	18/01/20	Chuyển quỹ đầu tư phát triển sang nguồn vốn đầu tư XDCB	414	441	400,000
PN	PND1/01	19/01/20	NN cấp trực tiếp cho DN một phương tiện VT làm tăng NV KD	211	411	250,000
VNH	NH01/01	20/01/20	Vay ngắn hạn ngân hàng trả người bán khoản nợ mua vật liệu	331	311	30,000
MNH	MN01/01	21/01/20	Mua một nhà văn phòng chưa trả tiền người bán	211	331	100,000
KC	KC02/01	22/01/20	Chuyển nguồn vốn đầu tư XDCB sang nguồn vốn KD	441	411	100,000

6.5. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Xử lý dữ liệu

6.6. Thực hiện lệnh: Giá thành, thuế / In tài khoản dạng sơ đồ chữ T

In cho các tài khoản có phát sinh.

6.7. Thực hiện lệnh: In chi tiết / In chi tiết tài khoản

In cho các tài khoản có phát sinh.

6.8. Thực hiện lệnh: In tổng hợp / In tổng hợp tài khoản

In cho các tài khoản có phát sinh.

6.9. Thực hiện lệnh: In báo cáo / In bảng cân đối tài khoản

7. Bài tập thực hành số 3

7.1. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán

- Nhập danh mục tài khoản kế toán sau

Mã TK	Tên tài khoản	Loại TK	Mã NSD	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
142	Chi phí trả trước	C	A	120	-
152	Nguyên liệu, vật liệu	C	A	12,800	-
214	Hao mòn tài sản cố định	N	A	-	8,500
334	Phải trả công nhân viên	N	A	-	-
335	Chi phí phải trả	N	A	-	50
622	Chi phí nhân công trực tiếp	C	A	-	-
627	Chi phí sản xuất chung	C	A	-	-

7.2. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Số tiền
PX	PX01/01	01/01/20	Xuất kho nguyên vật liệu dùng cho cải tiến kỹ thuật	142	152	1,200
KH	KH01/01	02/01/20	Khấu hao máy móc thiết bị dùng cho cải tiến kỹ thuật	142	214	450
PIRA	PIRA01/01	03/01/20	Tiền lương CNSXSP trực tiếp	622	334	2,800
PIRA	PIRA01/01	03/01/20	Tiền lương CNSXSP nghỉ phép	142	334	100
PIRA	PIRA01/01	03/01/20	Tiền lương CNSXSP cải tiến kỹ thuật	335	334	60
TT	TT01/01	04/01/20	Trích trước tiền lương CNSX nghỉ phép	622	335	140
PB	PB01/01	05/01/20	Phân bổ chi phí cải tiến kỹ thuật theo kế hoạch	627	142	125

7.3. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Xử lý dữ liệu

7.4. Thực hiện lệnh: Giá thành, thuế / In tài khoản dạng sơ đồ chữ T

In các tài khoản có phát sinh.

7.5. Thực hiện lệnh: In chi tiết / In chi tiết tài khoản

In các tài khoản có phát sinh.

7.7. Thực hiện lệnh: In tổng hợp / In tổng hợp tài khoản

In các tài khoản có phát sinh.

III. KẾ TOÁN CÔNG NỢ

Mục tiêu: Học sinh vào được danh mục sổ công nợ cho người mua, người bán, nhập được các chứng từ liên quan đến công nợ sau đó in ra sổ tổng hợp và sổ chi tiết công nợ.

1. Các tài khoản theo dõi VT,NT,CN,CP

Chọn : Các danh mục / TK theo dõi VT,NT,CN,CP. Xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Bản ghi số : 1 / 3

Mã tài khoản : 131

Tên tài khoản : Phải thu của khách hàng

Theo dõi cho : 3 [VT:1, NT:2, CN:3, CP:4]

Mã tài khoản: Đưa vào mã tài khoản theo dõi công nợ hoặc ấn F₁ để chọn tài khoản.

Tên tài khoản: Máy tự nhận biết từ danh mục tài khoản kế toán không cần đưa vào.

Theo dõi cho : 1 là cho vật tư, 2 là cho ngoại tệ, 3 là cho công nợ, 4 là cho chi phí.

2. Danh mục sổ công nợ các tài khoản

Chọn : Các danh mục / Danh mục sổ công nợ các TK. Xuất hiện :

Vào sổ công nợ cho tài khoản :

Ta đưa vào mã tài khoản cần theo dõi công nợ hoặc ấn F₁ để chọn tài khoản đã khai báo trong danh mục tài khoản công nợ sau đó ấn ENTER xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Vào sổ công nợ cho TK : 131

Bản ghi số : 1 / 101

Mã ĐTPN :	0003
Tên ĐTPN :	Bảo công an đà nẵng
Dư nợ đầu năm :	0
Dư có đầu năm :	0

Mã ĐTPN : Đưa vào mã đối tượng pháp nhân cần theo dõi công nợ ứng với TK ở trên.

Tên ĐTPN : Đưa tên đối tượng pháp nhân vào 30 ký tự.

Dư nợ (có) đầu năm : Đưa vào số dư đầu năm chỉ có dư nợ hoặc dư có.

3. Nhập dữ liệu

Giả sử ta thực hiện lệnh **Chứng từ / 5. Kế toán tổng hợp**. Màn hình xuất hiện :

Bản ghi số 10 / 12

Loại CT : CK Số CT : PT02/01 Ngày CT : 03/01/2000

Diễn giải: Khách hàng trả tiền chuyển sang đặt mua máy

TK nợ : 331 Phải trả người bán

ĐTPN nợ :

TK có : 131 Phải thu của khách hàng

ĐTPN có :

Thành tiền : 50 000

Cộng tiền : 50 000

Loại chứng từ : đưa vào tên tắt loại chứng từ 6 ký tự (nếu quên ấn F₁ máy sẽ hiện ra các loại chứng từ đã khai báo ở danh mục các loại chứng từ), chú ý các chứng từ sau phải đưa tên tắt tương ứng như sau (phải chính xác vì máy căn cứ vào các tên tắt này để xử lý) :

Phiếu xuất kho : phải đưa vào là PX

Phiếu nhập kho : phải đưa vào là PN

Phiếu xuất bán : phải đưa vào là PXB

Số chứng từ : Đưa vào số chứng từ (12 ký tự).

Ngày chứng từ : Đưa vào ngày chứng từ dạng dd/mm/yy.

Diễn giải : Đưa vào giải thích không quá 50 ký tự.

Tài khoản Nợ : Đưa vào TK nợ (nếu quên ấn F_1).

Đối tượng Nợ : Đưa vào ĐTPN nợ nếu cần theo dõi công nợ (nếu quên ấn F_1).

Tài khoản Có : Đưa vào TK có (nếu quên ấn F_1).

Đối tượng Có : Đưa vào ĐTPN có nếu cần theo dõi công nợ (nếu quên ấn F_1).

Số lượng : Đưa vào số lượng nhập, xuất hoặc bán.

Giá đơn vị : Đưa vào giá mua nếu là PN, giá vốn nếu là PX (giá này máy đưa ra là giá bình quân gia quyền).

(Nếu Số lượng và số tiền bằng 0 khi xử lý máy sẽ xóa đi).

Chú ý :

Nếu TK nợ là TK đã khai báo trong **TK theo dõi VT,NT,CN,CP** thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN nợ, YTCP nợ, Mã DM nợ.

Nếu TK có là TK đã khai báo trong **TK theo dõi VT,NT,CN,CP** thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN Có, YTCP có, Mã DM có.

Để in Chứng từ ghi sổ ta vào Brow và ấn phím F_3 .

4. In sổ công nợ cho các tài khoản

Đối với các tài khoản công nợ ta phải in 4 lần :

4.1. In chi tiết / In sổ chi tiết tài khoản

In sổ cho các tài khoản 131,141,331

4.2. In tổng hợp / In sổ tổng hợp tài khoản

In sổ cho các tài khoản 131,141,331

4.3. In chi tiết / In sổ chi tiết công nợ

In sổ cho các tài khoản 131,141,331

4.4. In tổng hợp / In bảng tổng hợp công nợ

In sổ cho các tài khoản 131,141,331

5. Bài tập thực hành số 4

5.1. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán

- Nhập danh mục tài khoản kế toán sau

Mã TK	Tên tài khoản	Loại TK	Mã NSD	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
111	Tiền mặt	C	A	30,000	-
112	Tiền gửi ngân hàng	C	A	1,480,000	-
131	Phải thu của khách hàng	C	A	140,000	-
141	Tam ứng	C	A	-	-
152	Nguyên liệu, Vật liệu	C	A	-	-
154	Sản phẩm dở dang	C	A	-	-
155	Thành phẩm	C	A	-	-
211	Tài sản cố định hữu hình	C	A	5,240,000	-
311	Vay ngắn hạn	N	A	-	1,287,000
331	Phải trả người bán	N	A	-	180,000
333	Thuế và các khoản phải nộp NN	N	A	-	-
334	Phải trả công nhân viên	N	A	-	-
411	Nguồn vốn kinh doanh	N	A	-	6,739,000
414	Quỹ phát triển kinh doanh	N	A	-	860,000
421	Lãi chưa phân phối	N	A	-	-
441	Nguồn vốn đầu tư xây dựng CB	N	A	-	-
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	C	A	-	-

5.2. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Tài khoản theo dõi VT, NT, CN, CP

- Nhập các tài khoản sau :

Mã TK	Tên tài khoản	Theo dõi cho
131	Phải thu của khách hàng	3
331	Phải trả người bán	3

5.3. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Danh mục sổ công nợ các TK

- Nhập sổ công nợ cho các tài khoản sau :

Vào sổ công nợ cho tài khoản 131

Mã ĐTPN	Tên đối tượng pháp nhân	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
X	Khách hàng X	90,000	-
Y	Khách hàng Y	50,000	-

Vào sổ công nợ cho tài khoản 331

Mã ĐTPN	Tên đối tượng pháp nhân	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
A	Đơn vị A	-	120,000
B	Đơn vị B	-	60,000

5.4. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Mã ĐTPN nợ	Mã ĐTPN có	Số tiền
PT	PT01/01	01/01/20	Khách hàng X trả cho DN tiền mua hàng kỳ trước	111	131		X	20,000
GEN	BN01/01	02/01/20	Khách hàng X trả cho DN tiền mua hàng kỳ trước	112	131		X	60,000
PN	PN01/01	03/03/20	Mua một phương tiện vận tải chưa trả tiền đơn vị B	211	331		B	260,000
PC	PC01/01	04/01/20	Xuất tiền mặt ở quỹ trả cho đơn vị A	331	111	A		40,000
GBC	BC01/01	05/01/20	Chuyển tiền gửi ngân hàng trả đơn vị A	331	112	A		80,000
GBC	BC01/01	05/01/20	Chuyển tiền gửi ngân hàng trả đơn vị B	331	112	B		260,000
KC	KC01/01	06/01/20	Chuyển quỹ PTKD bổ sung NVKD	414	411			260,000

5.5. Thực hiện lệnh: Chứng từ / Xử lý dữ liệu

5.6. Thực hiện lệnh: Giá thành, thuế / In tài khoản dạng sơ đồ chữ T

5.7. Thực hiện lệnh: In chi tiết / In chi tiết công nợ

- In cho các tài khoản 131, 331

5.8. Thực hiện lệnh: In tổng hợp / In tổng hợp công nợ

- In cho các tài khoản 131, 331

5.9. Thực hiện lệnh: In chi tiết / In chi tiết tài khoản

- In cho các tài khoản 131, 331

5.10. Thực hiện lệnh: In tổng hợp / In tổng hợp tài khoản

- In cho các tài khoản 131, 331

6. Bài tập thực hành số 5

6.1. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán

- Nhập danh mục tài khoản kế toán sau

Mã TK	Tên tài khoản	Loại TK	Mã NSD	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
111	Quỹ tiền mặt	C	A	180,000	-
112	Tiền gửi ngân hàng	C	A	4,860,000	-
131	Phải thu của khách hàng	C	A	-	-
138	Phải thu khác	C	A	100,000	-
141	Tạm ứng	C	A	-	-
331	Phải trả người bán	N	A	-	-
334	Phải trả công nhân viên	N	A	-	-
338	Phải trả & Phải nộp khác	N	A	-	2,081,000
					240,000

6.2. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Tài khoản theo dõi VT, NT, CN, CP

- Nhập các tài khoản sau :

Mã TK	Tên tài khoản	Theo dõi cho
131	Phải thu của khách hàng	3
138	Phải thu khác	3
141	Tạm ứng	3
331	Phải trả người bán	3
338	Phải trả & Phải nộp khác	3

6.3. Thực hiện lệnh: Các danh mục / Danh mục sổ công nợ các TK

- Nhập sổ công nợ cho các tài khoản sau :

Vào sổ công nợ cho tài khoản 131

Mã ĐTPN	Tên đối tượng pháp nhân	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
X	Khách hàng X	90,000	-
Y	Khách hàng Y	50,000	-

Vào sổ công nợ cho tài khoản 138

Mã ĐTPN	Tên đối tượng pháp nhân	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
A	Công nhân A	30,000	-
B	Công nhân B	-	-
Z	Đơn vị Z	70,000	-

Vào sổ công nợ cho tài khoản 331

Mã ĐTPN	Tên đối tượng pháp nhân	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
A	Đơn vị A	-	120,000
B	Đơn vị B	-	60,000

Vào sổ công nợ cho tài khoản 338

Mã ĐTPN	Tên đối tượng pháp nhân	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
B	Công nhân B	-	-
H	Công nhân H	-	130,000
K	Công nhân K	-	60,000
M	Công ty M	-	50,000

6. 4. Thực hiện lệnh Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Mã ĐTPN nợ	Mã ĐTPN có	Số tiền
PC	PC01/01	01/01/20	Chi tiền mặt chi trả hộ CN A tiền gửi trẻ, mẫu giáo	138	111	A		15,000
PC	PC01/01	01/01/20	Chi tiền mặt chi trả hộ CN B tiền gửi trẻ, mẫu giáo	138	111	B		15,000
PT	PC02/01	02/01/20	Đơn vị Z trả cho DN khoản phạt kỷ trước bằng tiền mặt	138	111	Z		70,000
PC	PC03/01	03/01/20	Chi tiền trả lương tạm giữ của công nhân H	338	111	H		130,000
PC	PC03/01	03/01/20	Chi tiền trả lương tạm giữ của công nhân K	338	111	K		60,000
KT	KT01/01	04/01/20	Khấu trừ vào lương của công nhân A	334	138		A	20,000
KT	KT01/01	04/01/20	Khấu trừ vào lương của công nhân B	334	138		B	15,000
PT	PT02/01	05/01/20	Rút tiền gửi ngân hàng về quỹ	111	112			2,046,000
PC	PC04/01	06/01/20	Chi tiền mặt trả lương cho công nhân	334	111			1,896,000
TG	TG01/01	07/01/20	Tạm giữ lương của CN B vắng mặt trong kỳ trả lương	334	338		B	80,000
TG	TG01/01	07/01/20	Tạm giữ lương của CN K vắng mặt trong kỳ trả lương	334	338		K	70,000
GBC	BC01/01	08/01/20	Chuyển tiền gửi ngân hàng trả cho công ty M	338	112	M		50,000

6.5. Thực hiện lệnh Chứng từ / Xử lý dữ liệu

6.6. Thực hiện lệnh Giá thành, thuế / In tài khoản dạng sơ đồ chữ T

6.7. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết công nợ

- In cho các tài khoản công nợ 131, 138, 141; 331, 338

6.8. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp công nợ

- In cho các tài khoản công nợ 131, 138, 141, 331, 338

6.9. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết tài khoản

- In cho các tài khoản công nợ 131, 138, 141, 331, 338

6.10. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp tài khoản

- In cho các tài khoản công nợ 131, 138, 141, 331, 338

IV. KẾ TOÁN KHO (VẬT TƯ HÀNG HOÁ)

Mục tiêu: Học sinh vào được danh mục Vật tư hàng hoá, nhập được các chứng từ liên quan đến kho sau đó in ra thẻ kho tổng hợp và thẻ kho chi tiết.

1. Các tài khoản theo dõi VT,NT,CN,CP :

Chọn : Các danh mục / TK theo dõi VT,NT,CN,CP. Xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Bản ghi số : 4 / 4

Mã tài khoản : 152

Tên tài khoản : Nguyên liệu, Vật liệu

Theo dõi cho : 1 (VT:1, NT:2, CN:3, CP:4)

Mã tài khoản : Đưa vào mã tài khoản theo dõi công nợ hoặc ấn F₁ để chọn tài khoản.

Tên tài khoản : Máy tự nhận biết từ danh mục tài khoản kế toán không cần đưa vào.

Theo dõi cho : 1 là cho vật tư, 2 là cho ngoại tệ, 3 là cho công nợ, 4 là cho chi phí.

2. Danh mục vật tư hàng hóa

Chọn : Các danh mục / Danh mục vật tư & ngoại tệ. Xuất hiện :

Vào vật tư & ngoại tệ cho tài khoản :

Ta đưa vào mã tài khoản cần theo dõi vật tư & ngoại tệ hoặc ấn F₁ để chọn tài khoản đã khai báo trong danh mục tài khoản VT, NT, CN, CP, sau đó ấn ENTER xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Vào Vật tư, Ngoại tệ cho TK : 152

Bản ghi số : 6 / 6

Mã danh mục : C2531

Tên danh mục : Xước báo Nga C

Đơn vị tính : kg

Tồn đầu năm SL : 102.00

Tồn đầu năm GT : 510 000

Mã hàng hóa : đưa vào mã vật tư hàng hóa, gồm có 7 ký tự, nên để ký tự đầu tiên để đặt cho kho (ví dụ kho A, B, C,...), còn 6 ký tự tiếp theo tùy theo từng doanh nghiệp để quy định loại hàng, nước sản xuất...

Tên hàng hóa : Đưa vào tên hàng hóa có độ dài 30 ký tự.

Đơn vị tính : kg, cái, lít hay là viên...

Tồn đầu năm SL: Đưa vào số lượng tồn đầu năm hay tồn đầu kỳ bắt đầu làm vi tính.

Tồn đầu năm SL: Đưa vào giá thành tồn đầu năm hay tồn đầu kỳ bắt đầu làm vi tính.

3. Nhập dữ liệu

Giả sử ta thực hiện lệnh **Chứng từ / 5. Kế toán tổng hợp**. Màn hình xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Print	Quit
Bản ghi số 13 / 13										
Loại CT : PN		Số CT : 1		Ngày CT : 20/01/2000						
Diễn giải: Nhập kho thành phẩm										
TK nợ :		152		Nguyên liệu, Vật liệu						
Mã DM nợ :										
TK có :		155		Thành phẩm						
Mã DM có :										
Số lượng :		0.000								
Giá ĐV :		0								
Thành tiền :		0								
Cộng tiền :		0								

Loại chứng từ : Đưa vào tên tắt loại chứng từ 6 ký tự (nếu quên ấn F₁ máy sẽ hiện ra các loại chứng từ đã khai báo ở danh mục các loại chứng từ), chú ý các chứng từ sau phải đưa tên tắt tương ứng như sau (phải chính xác vì máy căn cứ vào các tên tắt này để xử lý) :

Phiếu xuất kho : phải đưa vào là PX

Phiếu nhập kho : phải đưa vào là PN

Phiếu xuất bán : phải đưa vào là PXB

Số chứng từ : Đưa vào số chứng từ (12 ký tự).

Ngày chứng từ : Đưa vào ngày chứng từ dạng dd/mm/yy.

Diễn giải : Đưa vào giải thích không quá 50 ký tự.

Tài khoản Nợ : Đưa vào TK nợ (nếu quên ấn F₁).

Mã DM nợ : Đưa vào mã vật tư hàng hóa nếu là nhập vật tư (nếu quên ấn F₁).

Tài khoản Có : Đưa vào TK có (nếu quên ấn F₁).

Mã DM có: Đưa vào mã vật tư hàng hóa nếu là xuất vật tư (nếu quên ấn F₁).

Số lượng : Đưa vào số lượng nhập, xuất hoặc bán.

Giá đơn vị : Đưa vào giá mua nếu là PN, giá vốn nếu là PX (giá này máy đưa ra là giá bình quân gia quyền).

Nếu là PXB sẽ xuất hiện thêm :

Giá bán: Đưa vào giá đơn vị bán,

% chiết khấu: Đưa vào % chiết khấu cho các đại lý (ví dụ 10% thì đưa vào là 10).

Số tiền : Máy sẽ tự lấy số lượng nhân với giá bán và trừ đi % chiết khấu (Nếu Số lượng và số tiền bằng 0 khi xử lý máy sẽ xóa đi).

Chú ý :

Nếu TK nợ là TK đã khai báo trong TK theo dõi VT,NT,CN,CP thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN nợ, YTCP nợ, Mã DM nợ.

Nếu TK có là TK đã khai báo trong TK theo dõi VT,NT,CN,CP thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN Có, YTCP có, Mã DM có.

Để in Chứng từ ghi sổ ta vào Brow và ấn phím F₃.

4. In sổ vật tư hàng hoá cho các tài khoản

Đối với các tài khoản vật tư ta phải in 4 lần

4.1. In chi tiết / In sổ chi tiết tài khoản

In cho các tài khoản 152,156...

4.2. In tổng hợp / In sổ tổng hợp tài khoản

In cho các tài khoản 152,156...

4.3. In chi tiết / In sổ chi tiết vật tư, ngoại tệ

In cho các tài khoản 152,156...

4.4. In tổng hợp / In bảng tổng hợp vật tư, ngoại tệ

In cho các tài khoản 152,156...

5. Bài tập thực hành số 6

5.1. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán

- Nhập danh mục tài khoản kế toán sau

Mã TK	Tên tài khoản	Loại TK	Mã NSD	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
111	Quỹ tiền mặt	C	A	1,500	-
141	Tam ứng	C	A	1,200	-
152	Nguyên liệu, vật liệu	C	A	5,200	-
331	Phải trả người bán	N	A	-	-
611	Mua hàng	C	A	-	-
6111	Mua nguyên liệu, vật liệu	C	A	-	-
6112	Mua hàng hoá	C	A	-	-
621	Chi phí nguyên vật liệu	C	A	-	-

5.2. Thực hiện lệnh Các danh mục / Tài khoản theo dõi VT, NT, CN, CP

- Nhập các tài khoản sau :

Mã TK	Tên tài khoản	Theo dõi cho
152	Nguyên liệu, vật liệu	1

5.3. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục vật tư, ngoại tệ

- Nhập danh mục vật tư cho tài khoản 152 :

Danh mục vật tư tài khoản 152

Mã DM	Tên danh mục	đơn vị	Tồn ĐN SL	Tồn ĐN GT
A	Vật liệu A	đv	1,000	4,000
B	Vật liệu B	đv	600	1,200

5.4. Thực hiện lệnh Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Mã DM nợ	Mã DM có	Số lượng	Giá đv	Số tiền
MH	MH01	01/01/20	Mua vật liệu A chưa trả tiền người bán	6111	331			-	-	19,600
MH	MH01	01/01/20	Chi phí vận chuyển bốc dỡ vật liệu A về kho trả bằng tiền	6111	111			-	-	1,000
PN	PN01	02/01/20	Nhập kho vật liệu A	152	6111	A		5,000	4.12	20,600
MH	MH01	03/01/20	Cán bộ DN mua vật liệu A TT bằng tiền tạm ứng	6111	141			-	-	7,800
MH	MH01	03/01/20	Cán bộ DN mua vật liệu B TT bằng tiền tạm ứng	6111	141			-	-	2,720
MH	MH01	03/01/20	Chi phí vận chuyển bốc dỡ vật liệu A	6111	141			-	-	400
MH	MH01	03/01/20	Chi phí vận chuyển bốc dỡ vật liệu B	6111	141			-	-	280
PN	PN02	04/01/20	Nhập kho đủ số vật liệu A	152	6111	A		2,000	4.10	8,200
PN	PN02	04/01/20	Nhập kho đủ số vật liệu B	152	6111	B		1,400	2.15	3,000
PX	PX01	05/01/20	Xuất kho vật liệu A dùng cho sản xuất sản phẩm	621	152		A	6,500	4.10	26,650
PX	PX01	05/01/20	Xuất kho vật liệu B dùng cho sản xuất sản phẩm	621	152		B	1,200	2.10	2,520
PT	PT01	06/01/20	Cán bộ của DN hoàn trả tiền mặt tạm ứng	111	141			-	-	800

5.5. Thực hiện lệnh Chứng từ / Xử lý dữ liệu

5.6. Thực hiện lệnh Giá thành, thuế / In tài khoản dạng sơ đồ chữ T

5.7. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết vật tư, ngoại tệ

- In vật tư cho tài khoản 152

5.8. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp vật tư, ngoại tệ

- In vật tư cho tài khoản 152

5.9. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết tài khoản

- In cho tài khoản 152 và các tài khoản có phát sinh

5.10. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp tài khoản

- In cho tài khoản 152 và các tài khoản có phát sinh

V. KẾ TOÁN CHI PHÍ GIÁ THÀNH

Mục tiêu: Học sinh vào được danh mục các yếu tố chi phí, danh mục các thành phẩm, nhập được các chứng từ liên quan đến chi phí sau đó in ra sổ tổng hợp và sổ chi tiết chi phí và giá thành.

1. Các tài khoản theo dõi VT,NT,CN,CP

Chọn : Các danh mục / TK theo dõi VT,NT,CN,CP. Xuất hiện :

Append Edit Prior Next Brow Ins Bef Ins Aft Delete Goto Quit

Bản ghi số : 8 / 8

Mã tài khoản : 154

Tên tài khoản : Sản phẩm dở dang

Theo dõi cho : 4 (VT:1, NT:2, CN:3, CP:4)

Mã tài khoản : Đưa vào mã tài khoản theo dõi công nợ hoặc ấn F₁ để chọn tài khoản.

Tên tài khoản : Máy tự nhận biết từ danh mục tài khoản kế toán không cần đưa vào.

Theo dõi cho : 1 là cho vật tư, 2 là cho ngoại tệ, 3 là cho công nợ, 4 là cho chi phí.

2. Danh mục các yếu tố chi phí

Chọn : Các danh mục / Danh mục các yếu tố chi phí. Xuất hiện :

Vào sổ chi phí cho tài khoản :

Ta đưa vào mã tài khoản cần theo dõi chi phí, giá thành hoặc ấn F₁ để chọn tài khoản đã khai báo trong danh mục tài khoản công nợ sau đó ấn ENTER xuất hiện:

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	------

Vào số chi phí cho TK : 154

Bản ghi số : 6 / 6

Mã YTCP : SP6

Tên YTCP : Ghế đầu thấp

Dư nợ đầu năm : 0

Dư có đầu năm : 0

Mã yếu tố chi phí : Đưa vào mã yếu tố chi phí (7 ký tự).

Tên yếu tố chi phí : Đưa vào tên các yếu tố chi phí (30 ký tự).

Dư nợ (có) đầu năm : Đưa vào số dư đầu năm (số dư đầu tháng 1).

3. Nhập dữ liệu

Giả sử ta thực hiện lệnh **Chúng từ / 5. Kế toán tổng hợp**. Màn hình xuất hiện :

Append	Edit	Prior	Next	Brow	Ins Bef	Ins Aft	Delete	Goto	Print	Quit
--------	------	-------	------	------	---------	---------	--------	------	-------	------

Bản ghi số 13 / 13

Loại CT : KC Số CT : 1 Ngày CT : 20/01/2000

Diễn giải: Kết chuyển chi phí quản lý

TK nợ : 154 Sản phẩm dở dang

YTCP nợ :

Mã DM nợ :

TK có : 642 Chi phí quản lý doanh nghiệp

YTCP có :

Số lượng : 30.000

Giá ĐV : 2 000 000

Thành tiền : 60 000 000

Công tiền : 60 000 000

Loại chứng từ : Đưa vào tên tắt loại chứng từ 6 ký tự (nếu quên ấn F₁ máy sẽ hiện ra các loại chứng từ đã khai báo ở danh mục các loại chứng từ), chú ý các chứng từ sau phải đưa tên tắt tương ứng như sau (phải chính xác vì máy căn cứ vào các tên tắt này để xử lý) :

Phiếu xuất kho : phải đưa vào là PX

Phiếu nhập kho : phải đưa vào là PN

Phiếu xuất bán : phải đưa vào là PXB

Số chứng từ : Đưa vào số chứng từ (12 ký tự).

Ngày chứng từ : Đưa vào ngày chứng từ dạng dd/mm/yy.

Diễn giải : Đưa vào giải thích không quá 50 ký tự.

Tài khoản nợ : Đưa vào TK nợ (nếu quên ấn F₁).

YTCP nợ : Đưa vào YTCP nợ nếu cần theo dõi chi phí giá thành (nếu quên ấn F₁).

Tài khoản có : Đưa vào TK có (nếu quên ấn F₁).

YTCP có : Đưa vào YTCP có nếu cần theo dõi chi phí giá thành (nếu quên ấn F₁).

Số lượng : Đưa vào số lượng nhập, xuất hoặc bán.

Giá đơn vị : Đưa vào giá mua nếu là PN, giá vốn nếu là PX (giá này máy đưa ra là giá bình quân gia quyền).

Chú ý :

Nếu TK nợ là TK đã khai báo trong TK theo dõi VT, NT, CN, CP thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN nợ, YTCP nợ, Mã DM nợ.

Nếu TK có là TK đã khai báo trong TK theo dõi VT, NT, CN, CP thì tùy theo TK là loại gì sẽ hiện ra ĐTPN Có, YTCP có, Mã DM có.

Để in Chứng từ ghi sổ ta vào Brow và ấn phím F₃.

4. In sổ chi phí cho các tài khoản

Đối với các tài khoản vật tư ta phải in 4 lần :

4.1. In chi tiết / In sổ chi tiết tài khoản

In cho các tài khoản 154, 641, 642...

4.2. In tổng hợp / In sổ tổng hợp tài khoản

In cho các tài khoản 154, 641, 642...

4.3. In chi tiết / In sổ chi tiết chi phí

In cho các tài khoản 154,641,642...

4.4. In tổng hợp / In bảng tổng hợp chi phí

In cho các tài khoản 154,641,642...

5. Bài tập thực hành số 7

5.1. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục tài khoản kế toán

- Nhập danh mục tài khoản kế toán sau

111	Quỹ tiền mặt	C	A	-	-
112	Tiền gửi ngân hàng	C	A	-	-
131	Phải thu của khách hàng	C	A	-	-
141	Tạm ứng	C	A	-	-
152	Nguyên liệu, vật liệu	C	A	59,700	-
154	Chi phí SX KĐở dang	C	A	-	-
1541	Sản phẩm dở dang X	C	A	7,000	-
1542	Sản phẩm dở dang Y	C	A	4,800	-
155	Thành phẩm	C	A	12,295	-
214	Hao mòn TSCĐ	N	A	-	-
331	Phải trả người bán	N	A	-	-
333	Thuế và các khoản phải nộp NN	N	A	-	-
334	Phải trả công nhân viên	N	A	-	-
338	Phải trả phải nộp khác	N	A	-	-
421	Lãi chưa phân phối	N	A	-	-
511	Doanh thu bán hàng	N	A	-	-
611	Mua hàng	C	A	-	-
6111	Mua nguyên liệu, vật liệu	C	A	-	-
6112	Mua hàng hoá	C	A	-	-
621	Chi phí nguyên vật liệu	C	A	-	-
622	Chi phí nhân công trực tiếp	C	A	-	-
627	Chi phí sản xuất chung	C	A	-	-
631	Giá thành sản xuất	C	A	-	-
632	Giá vốn hàng bán	C	A	-	-
641	Chi phí bán hàng	C	A	-	-
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	C	A	-	-
911	Xác định kết quả kinh doanh	N	A	-	-

5.2. Thực hiện lệnh Các danh mục / Tài khoản theo dõi VT, NT, CN, CP

- Nhập các tài khoản sau :

Mã TK	Tên tài khoản	Theo dõi cho
152	Nguyên liệu, vật liệu	1
155	Thành phẩm	1
154	Chi phí SX KĐ dở dang	4
621	Chi phí nguyên vật liệu	4
622	Chi phí nhân công trực tiếp	4
627	Chi phí sản xuất chung	4
631	Giá thành sản xuất	4

5.3. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục các yếu tố chi phí

- Nhập số chi phí cho các tài khoản sau :

Vào danh mục chi phí cho tài khoản 154			
Mã CP	Tên chi phí	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
SPX	Sản phẩm X	0	0
SPY	Sản phẩm Y	0	0
Vào danh mục chi phí cho tài khoản 621			
Mã CP	Tên chi phí	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
SPX	Sản phẩm X	0	0
SPY	Sản phẩm Y	0	0
Vào danh mục chi phí cho tài khoản 622			
Mã CP	Tên chi phí	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
SPX	Sản phẩm X	0	0
SPY	Sản phẩm Y	0	0
Vào danh mục chi phí cho tài khoản 627			
Mã CP	Tên chi phí	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
SPX	Sản phẩm X	0	0
SPY	Sản phẩm Y	0	0
Vào danh mục chi phí cho tài khoản 631			
Mã CP	Tên chi phí	Dư nợ đầu năm	Dư có đầu năm
SPX	Sản phẩm X	0	0
SPY	Sản phẩm Y	0	0

5.4. Thực hiện lệnh Các danh mục / Danh mục vật tư, ngoại tệ

- Nhập danh mục vật tư cho các tài khoản sau :

Danh mục vật tư tài khoản 152

Mã DM	Tên danh mục	đơn vị	Tồn ĐN SL	Tồn ĐN GT
A	Vật liệu A	đv	12,000	49,200
B	Vật liệu B	đv	5,000	10,500

Danh mục vật tư tài khoản 155

Mã DM	Tên danh mục	đơn vị	Tồn ĐN SL	Tồn ĐN GT
X	Thành phẩm X	tp	20	6,578
Y	Thành phẩm Y	tp	50	5,717

5.5. Thực hiện lệnh Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

LCTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	DM nợ	DM có	CP nợ	CP có	Số lượng	Giá đv	Số tiền
KC	KC01	01/01/20	KC chi phí sản xuất kinh doanh đầu kỳ của SP X	631	154			SPX	SPX	-	-	7,000
KC	KC01	01/01/20	KC chi phí sản xuất kinh doanh đầu kỳ của SP Y	631	154			SPY	SPY	-	-	4,800
PX	PX01	02/01/20	Xuất kho vật liệu A dùng cho SX SP X	154	152		A	SPX		5,000	4.10	20,500
PX	PX01	02/01/20	Xuất kho vật liệu A dùng cho SX SP Y	154	152		A	SPY		4,000	4.10	16,400
PX	PX02	03/01/20	Xuất kho vật liệu B dùng cho SX SP Y	627	152		B	SPY		1,200	2.10	2,520
TC	TC03	04/01/20	Tính tiền lương phải trả trong kỳ cho CN SX SP X	622	334			SPX		-	-	3,600
TC	TC03	04/01/20	Tính tiền lương phải trả trong kỳ cho CN SX SP Y	622	334			SPY		-	-	2,400
BH	BH01	05/01/20	Trích bảo hiểm 20% tiền lương CN SX SP X	622	338			SPX		-	-	720
BH	BH01	05/01/20	Trích bảo hiểm 20% tiền lương CN SX SP Y	622	338			SPY		-	-	480
BH	BH01	05/01/20	Trích bảo hiểm 20% tiền lương CPXS chung	627	338					-	-	200
KH	KH01	06/01/20	Khấu hao TSCĐ dùng cho SX	627	214					-	-	8,250
PC	PC01	07/01/20	Chi tiền cho quản lý sản xuất	627	111					-	-	600

5.6. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết chi phí

5.7. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp chi phí

Sau khi in các chi phí cho SP X và SP Y của các TK 154, 621, 622, 627 để lấy các số phát sinh của SP X, SP Y ta thực hiện lệnh **Chứng từ / Kế toán tổng hợp** để nhập tiếp chứng từ kết chuyển, phân bổ sau:

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Mã CP nợ	Mã CP có	Số tiền
KC	KC04	08/01/20	KC chi phí SX trực tiếp SP X	631	621	SPX	SPX	20,500
KC	KC04	08/01/20	KC chi phí SX trực tiếp SP Y	631	621	SPY	SPY	16,400
KC	KC05	09/01/20	KC chi phí NC trực tiếp SP X	631	622	SPX	SPX	4,320
KC	KC05	09/01/20	KC chi phí NC trực tiếp SP Y	631	622	SPY	SPY	2,880
PB	PB01	10/01/20	Phân bổ chi phí SX chung cho SP X	631	627	SPX	SPX	7,542
PB	PB01	10/01/20	Phân bổ chi phí SX chung cho SP Y	631	627	SPY	SPY	5,028
KC	KC06	12/01/20	KC CP SX KD Đ cho SP X	154	631	SPX	SPX	6,400
KC	KC06	12/01/20	KC CP SX KD Đ cho SP Y	154	631	SPY	SPY	6,200

5.8. Thực hiện lệnh **Giá thành, thuế / Số dư CK, số lượng SP**

- Nhập cho tài khoản 631 :

Vào số lượng sản phẩm cho tài khoản 631

Mã SP	Tên SP	Số lượng SP	Đơn vị tính
SPX	Sản phẩm X	100	TP
SPY	Sản phẩm Y	200	TP

5.9. Thực hiện lệnh **Giá thành, thuế / In chi tiết giá thành**

- In chi tiết giá thành cho tài khoản 631 :

Sau đó lấy giá thành đã tính được ta thực hiện lệnh **Chứng từ / Kế toán tổng hợp** để nhập kho thành phẩm sau :

Loại CTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	Mã DM nợ	Mã CP có	Số lượng	Giá dv
PN	PN10	15/01/20	Nhập kho thành phẩm X	155	631	X	SPX	100	329.62
PN	PN10	15/01/20	Nhập kho thành phẩm Y	155	631	Y	SPY	200	114.54

5.10. Thực hiện lệnh Chứng từ / Kế toán tổng hợp

- Nhập các chứng từ phát sinh sau :

LCTG	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	TK nợ	TK có	DM nợ	DM có	Lượng	Giá đv	Số tiền
PX	PX01/B8	16/01/20	Xuất kho thành phẩm X đem bán	632	155		X	80	329.50	26,360
PX	PX01/B8	16/01/20	Xuất kho thành phẩm Y đem bán	632	155		Y	150	114.50	17,175
HD	HD01/B8	16/01/20	HĐ bán thành phẩm Y cho nợ	131	511			-	-	30,400
HD	HD01/B8	16/01/20	HĐ bán thành phẩm Y cho nợ	131	511			-	-	24,000
PX	PX02/B8	17/01/20	Xuất kho NVL dùng bao gói thành phẩm đem bán	641	152			-	-	420
PX	PX02/B8	17/01/20	Xuất kho NVL dùng cho quản lý doanh nghiệp	642	152			-	-	315
TL	TL03/B8	18/01/20	Tiền lương phải trả cho nhân viên phục vụ bán hàng	641	334			-	-	200
TL	TL03/B8	18/01/20	Tiền lương phải trả cho nhân viên quản lý DN	642	334			-	-	1,500
BH	BH04/B8	19/01/20	Trích BHXH tính vào CPKD của NV bán hàng	641	338			-	-	40
BH	BH04/B8	19/01/20	Trích BHXH tính vào CPKD của NV quản lý DN	642	338			-	-	300
KH	KH05/B8	20/01/20	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN	642	214			-	-	2,100
CP	CP06/B8	21/01/20	CP vận chuyển chưa trả tiền đơn vị vận chuyển	641	331			-	-	260
PC	PC07/B8	22/01/20	Chi tiền mặt cho quản lý DN	642	111			-	-	137
TH	TH08/B8	23/01/20	Thuế phải nộp bằng 2% doanh thu bán hàng	511	333			-	-	1,088
KC	KC09/B8	24/01/20	Kết chuyển doanh thu bán hàng của SP X	511	911			-	-	29,792
KC	KC09/B8	24/01/20	Kết chuyển doanh thu bán hàng của SP Y	511	911			-	-	23,520
KC	KC10/B8	25/01/20	Kết chuyển giá vốn hàng bán SP X	911	632			-	-	26,360
KC	KC10/B8	25/01/20	Kết chuyển giá vốn hàng bán SP Y	911	632			-	-	17,175
PB	PB11/B8	26/01/20	Phân bổ chi phí bán hàng SP X	911	641			-	-	320
PB	PB11/B8	26/01/20	Phân bổ chi phí bán hàng SP Y	911	641			-	-	600
PB	PB12/B8	27/01/20	Phân bổ chi phí QLDN tính cho SP X	911	642			-	-	2,432
PB	PB12/B8	27/01/20	Phân bổ chi phí QLDN tính cho SP Y	911	642			-	-	1,920
KC	KC13/B8	31/01/20	Kết chuyển lãi SP X sang TK Lãi chưa phân phối	911	421			-	-	680
KC	KC13/B8	31/01/20	Kết chuyển lãi SP Y sang TK Lãi chưa phân phối	911	421			-	-	3,825
GBN	GBN14/B8	31/01/20	Đơn vị mua trả tiền DN chuyển vào ngân hàng	112	131			-	-	54,400

- 5.11. Thực hiện lệnh Chứng từ / Xử lý dữ liệu**
- 5.12. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết vật tư, ngoại tệ**
- In chi tiết vật tư cho các tài khoản 152,155
- 5.13. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp vật tư, ngoại tệ**
- In tổng hợp vật tư cho các tài khoản 152,155
- 5.14. Thực hiện lệnh In chi tiết / In chi tiết tài khoản**
- In cho các tài khoản có phát sinh
- 5.15. Thực hiện lệnh In tổng hợp / In tổng hợp tài khoản**
- In cho các tài khoản có phát sinh
- 5.16. Thực hiện lệnh In báo cáo / In bảng cân đối tài khoản**
- 5.17. Thực hiện lệnh In báo cáo / In bảng cân đối kế toán**
- 5.18. Thực hiện lệnh In báo cáo / In kết quả hoạt động kinh doanh**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đoàn Công Hùng (ND) - *Excel toàn tập* - NXB Trẻ - 2003.
2. Nguyễn Văn Hoàng (ND) - *Lập trình Visual Basic For Application*
- NXB Thống kê - 1996.
3. Trần Văn Thắng (TG) - *Kế toán trên Excel* - NXB Trẻ - 2000.
4. Nguyễn Hạnh (TG) - *Kế toán doanh nghiệp* - NXB Thống kê - 2002.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	3
<i>Lời nói đầu</i>	5
<i>Bài mở đầu: NHẬP MÔN KẾ TOÁN MÁY</i>	7
<i>Chương 1: LẬP CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN BẰNG EXCEL</i>	18
I. Ngôn ngữ VBA trong Microsoft Excel	18
II. Các cấu trúc điều khiển	28
III. Các đối tượng điều khiển	42
IV. Sử dụng VBA trong Microft Excel để giải quyết bài toán kế toán.....	48
<i>Chương 2: CHƯƠNG TRÌNH KẾ TOÁN MÁY ACCWIN</i>	76
I. Khởi động và thoát khỏi chương trình ACCWIN	76
II. Kế toán tài khoản	80
III. Kế toán công nợ	88
IV. Kế toán kho (vật tư hàng hoá)	96
V. Kế toán chi phí giá thành	102
<i>Tài liệu tham khảo</i>	111

BỘ GIÁO TRÌNH XUẤT BẢN NĂM 2005
KHOA TRƯỜNG TRUNG HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT TIN HỌC

1. THUẬT TOÁN VÀ KỸ THUẬT LẬP TRÌNH PASCAL
2. ĐÁNH MÁY VI TÍNH
3. SOẠN THẢO VÀ ĐÁNH MÁY VĂN BẢN
4. NGHIỆP VỤ THƯ KÝ
5. KẾ TOÁN MÁY
6. MARKETING
7. NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH C
8. LẬP TRÌNH HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG VỚI (C++)
9. BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ (EXCEL)
10. VISUAL BASIC
11. CẤU TRÚC MÁY TÍNH
12. GIAO TIẾP
13. ACCESS
14. MẠNG MÁY TÍNH
15. THIẾT KẾ WEB
16. BẢO TRÌ PC
17. HỆ ĐIỀU HÀNH
18. CƠ SỞ DỮ LIỆU
19. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG
20. KỸ THUẬT SỐ
21. PHOTOSHOP
22. CAD/CAM

giáo trình kế toán máy



14.500 VNĐ

Giá: 14.500đ